**Bàn về tự do kinh tế**

Nguyễn Phước Lộc

Loc Nguyen’s Academic Network, Việt Nam

Email: ng\_phloc@yahoo.com

Homepage: www.locnguyen.net

# Tóm tắt

# Phân công lao động

Adam Smith (1723 – 1790) mở đầu tự do kinh tế bằng kiệt tác “Một Công Trình Nghiên Cứu Bản Chất Và Nguyên Nhân Phát Sinh Của Cải Của Các Quốc Gia (An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations)” với tên viết tắt “Của Cải Của Các Quốc Gia (The Wealth of Nations)” và tác phẩm này khởi đầu bằng khái niệm **phân công lao động** mà Adam Smith đã nhận ra rằng phân công lao động là nguyên nhân của tăng năng suất tạo ra nhiều của cải hơn. Điều này hẳn nhiên khẳng định tư tưởng kinh tế của Adam Smith tập trung sự giàu có của một quốc gia vào *năng lực sản xuất* chứ không phải sự tích lũy kim loại quý (tích lũy tài chính). Ta sẽ bàn lại quan điểm này sau nhưng về cơ bản năng lực sản xuất cần phải hiểu rộng hơn là trình độ sản xuất mà sau này là trình độ công nghệ, hơn nữa ngay chính phân công lao động cũng dẫn đến việc một số quốc gia tập trung vào hoạt động tài chính như là một lợi thế trong chuỗi cung ứng nếu như ta hiểu rằng hệ thống tài chính mà cụ thể là hệ thống tiền tệ trở nên không thể thiếu trong nền kinh tế và sự thiết yếu của nó tự biến nó thành một loại hàng hóa như *dầu nhớt* bôi trơn cỗ máy kinh tế mà Adam Smith vừa chớm phát hiện sự thiết yếu khác của *xăng dầu* như năng lượng sản xuất vì tất nhiên ông hiểu sâu sắc giá trị quy ước và trao đổi ban đầu của tiền tệ. Có lẽ nên nhắc lướt qua giải thích của Adam Smith về nguyên nhân mà phân công lao động giúp tăng năng suất (Gemini 2025): 1) tăng kỹ năng công nhân do công nhân chỉ cần tập trung vào thao tác đơn giản lặp đi lặp lại, 2) tiết kiệm thời gian do không cần di chuyển từ công việc này sang công việc khác trong một dây chuyền sản xuất, và 3) cải tiến máy móc do sự đơn giản hóa công việc giúp công nhân dễ dàng phát minh những cải tiến kỹ thuật. Ngoài ra, phân công *lao động* rõ ràng trong công nghiệp hơn trong nông nghiệp (Smith, 1776, p. 30), không hẳn vì lao động nông nghiệp giản đơn hơn lao động công nghiệp mà có thể hiểu rằng tính chất phức tạp của sản xuất công nghiệp đáp ứng nhu cầu tinh vi khiến cho phân công lao động trong công nghiệp trở nên có ý nghĩa để phân giải sự phức tạp thành chuỗi giản đơn, điều sẽ trở thành thừa đối với lao động nông nghiệp và tất nhiên sự thừa thải quay trở lại kém hiệu quả đối nghịch và làm tiêu tan mục tiêu của phân công lao động. Từ đó có thể suy thêm rằng xã hội càng phát triển, phân công lao động càng chi tiết (Smith, 1776, p. 33). Ghi chú: của cải là sản phẩm – hàng hóa vật chất và tinh thần, hữu hình và vô hình với lưu ý rằng kết quả của hoạt động tài chính / thương mại thuần túy có lợi nhuận “bôi trơn” như dầu nhớt mường tượng như một loại hàng hóa nhưng hàng hóa sản phẩm đặt trong hoạt động sản xuất có ngữ nghĩa “sản xuất” đậm nét, có tính chất cụ thể nên lợi nhuận từ hoạt động tài chính / thương mại thuần túy được phân biệt với lợi nhuận của hoạt động sản xuất mặc dù tất cả đều liên quan đến thế năng của trình độ sản xuất sẽ được đề cập sau, thậm chí mặc dù ta có thể xem hoạt động sản xuất là hoạt động sản xuất trực tiếp, hoạt động thương mại là hoạt động sản xuất trung gian và hoạt động tài chính là hoạt động sản xuất gián tiếp. Lưu ý, hoạt động cung ứng dịch vụ ngay cả trong tài chính & thương mại là hoạt động sản xuất và sản phẩm từ hoạt động dịch vụ là hàng hóa thực thụ như bất kỳ loại hình sản xuất nào khác.

Theo Adam Smith (Smith, 1776, p. 35), phân công lao động không hẳn do mưu cầu lợi ích hay sự tinh khôn, mà là thiên hướng tất yếu của sự *trao đổi* mà chính con người cũng chưa thấy hết lợi ích của nó nhưng con người có được sự cảm nhận hay ý thức về lợi ích của sự trao đổi mà không xảy ra ở động vật. Nguyên tắc **trao đổi** cũng là nền tảng của thương mại. Ngay trong hoạt động kinh tế giản đơn tự cung tự cấp, một người sẽ không thể sử dụng/thỏa mãn hết số lượng sản phẩm mà anh ta tự sản xuất theo nhu cầu của anh ta liên quan đến sản phẩm đó, nên anh ta có xu hướng mang phần dôi dư (thặng dư) của số lượng sản phẩm tự sản xuất này như hàng hóa đem đi *trao đổi* với những người khác để có được các sản phẩm khác tương ứng thỏa mãn nhiều hơn với các nhu cầu khác, điều này thúc đẩy anh ta sản xuất nhiều hơn sản phẩm mà anh ta thuần thạo sản xuất để trao đổi được nhiều sản phẩm khác hơn và thỏa mãn được nhiều nhu cầu hơn, và nếu mọi người trong nền kinh tế cùng được thúc đẩy bởi mưu cầu lợi ích cá nhân như vậy thì sẽ thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng với lượng của cải được sinh sôi nảy nở ngày càng nhiều, đây là cơ sở của nguyên lý bàn tay vô hình của Adam Smith sẽ được đề cập sau. Hệ thống tiền tệ là phương tiện trao đổi nên thực chất phân công lao động có liên quan mật thiết đến hệ thống tài chính mà một sản phẩm cụ thể đáp ứng nhu cầu cụ thể làm tối tăm hoạt động bôi trơn, ngược lại, sự tác động tức thì trong ngay đợt chấn động đầu tiên của hệ thống tài chính khiến hoạt động sản xuất bị nhìn chậm trễ. Trong xã hội văn minh con người luôn cần sự giúp đỡ của người khác, sự giúp đỡ này gần như vô hình vì phân công lao động trong vô số liên kết nhưng mặt khác, thực chất một đời người chưa đủ tương tác mật thiết một vài người (Smith, 1776, p. 35). Như vậy phân công lao động của Adam Smith là một cách nhìn khác nhưng tương hợp luận điểm hi sinh một phần tự do để thiết lập nhà nước bảo vệ công dân của Montesquieu khi mà lợi ích và an toàn đều là nhu cầu. Điều này phản ánh một nghịch lý rằng phân công lao động là khởi điểm của tự do kinh tế lại liên quan đến tiêu hao tự do vì một công nhân chuyên môn sâu không thể hoạt động độc lập để tạo ra một sản phẩm cần đến dây chuyền sản xuất phức hợp. Tuy nhiên một công nhân bị ràng buộc chằng chịt trong một xã hội phân công lao động cao, rõ ràng họ không thể cựa quậy trong mạng nhện này nhưng ngay trong tâm thức và đời sống cá nhân họ lại có sự tự do vì được giải phóng khỏi những mối quan tâm của các chuyên môn khác (điều này cần được phân tích kỹ hơn), tất nhiên ta đang lập luận về năng lực tự do và chưa đề cập đến sự phú cường với nhiều của cải được sản xuất. Rốt cuộc phân công lao động là khởi đầu của tự do, đặc biệt tự do kinh tế trong góc nhìn kinh tế học. Như vậy ngay khi Montesquieu làm tiêu hao tự do cá nhân thì Adam Smith bù đắp sự tiêu hao này bằng cách rút dây trói dệt thành mạng nhện của chuyên môn hóa trong tổng thể, hay nói cách khác xã hội hay nhà nước lại bị tiêu hao tự do, và tiến trình đắp đổi này diễn ra vô tận ngày càng đẩy vào cấp độ văn minh.

Nguồn gốc của phú cường là tăng năng suất tức tăng năng lực sản xuất, nguồn gốc của tăng năng lực sản suất là phân công lao động và cuối cùng, trao đổi là nguồn gốc của phân công lao động và theo Adam Smith, trao đổi (hàng hóa) là nguyên tắc của phân công lao động (Smith, 1776, p. 36), khi một người tạo ra sản phẩm thừa sẽ nảy sinh ý tưởng trao đổi với người khác để có được sản phẩm khác thỏa mãn nhiều nhu cầu hơn, sự việc bắt đầu từ vị kỷ tư lợi nhưng ẩn sẵn lòng tốt, mà điều tử tế trong quan hệ lấy lòng nhau được đáp ứng qua lại tiếp theo thúc đẩy liên tiếp như những đợt sóng khiến *thị trường* (market) hoạt tác vận động không ngừng nghỉ, đồng thời cùng lúc tác động trở lại nhu cầu cá nhân theo hai chiều, như có một **bàn tay vô hình** điều khiển. Tóm lại trong một nguyên lý của bàn tay vô hình “mưu cầu lợi ích cá nhân dẫn đến trọng điểm trao đổi hàng hóa, thúc đẩy thị trường hoạt tác, lại thúc đẩy tăng năng suất tạo ra nhiều của cải, sau đó quay trở lại thỏa mãn nhiều nhu cầu cá nhân hơn”, điều này cũng liên quan đến hai vấn đề là sự thỏa mãn và phát triển nền kinh tế, sẽ được phân tích kỹ hơn, tuy rằng ta tạm như hiểu rằng thị trường phát triển thì nền kinh tế phát triển. Ta có ba nhận xét sau. Thứ nhất, *nguyên lý bàn tay vô hình* phân công lao động toàn thị trường, biến toàn thị trường thành một chuỗi, đúng hơn là một *mạng lưới dây chuyền sản xuất phi tuyến*, nơi mà nhu cầu mọi cá nhân được phân giải rồi tổng hợp, được tổng hợp rồi phân giải như tiến trình *trao đổi chất* (metabolism) của cơ thể sinh vật gồm hai tiến trình con: 1) tiến trình dị hóa (catabolism) phân hủy chất dinh dưỡng thành những phân tử đơn giản đồng thời giải phóng năng lượng, và 2) tiến trình đồng hóa (anabolism) thực hiện tổng hợp các phân tử phức tạp trong cơ thể từ những phân tử đơn giản từ tiến trình dị hóa. Thứ hai, phân công lao động toàn thị trường – xã hội tương tự sự chuyên biệt hóa các cơ quan chức năng trong cơ thể sinh vật, sinh vật có mức tiến hóa càng cao thì chuyên biệt hóa càng rõ rệt đồng thời các cơ quan chức năng cũng tương tác tinh vi hơn. Thứ ba, nguyên lý bàn tay vô hình là một biểu hiện của trí tuệ đám đông trong kinh tế học, trong đó, *trí tuệ đám đông* (swarm intelligence) là một quần thể gồm nhiều cá thể khi tương tác với nhau sẽ phát sinh trí tuệ, và như vậy, lợi ích là trí tuệ nếu đặt ánh xạ giữa nguyên lý bàn tay vô hình và trí tuệ đám đông. Hợp ba nhận xét này với nhau, ta có thể suy luận rằng phân công lao động cũng như nguyên lý bàn tay vô hình nhìn và biến toàn thị trường – xã hội như một sinh thể hữu cơ có trí tuệ và quan năng hoạt động, vượt qua định nghĩa, định kiến và cảm nhận về tính sinh học của sinh vật, hoặc phát biểu một cách chiết trung rằng, thị trường hay nền kinh tế rộng hơn có một *bản chất tự nhiên*. Ngoài ra, Adam Smith đề cập hai vấn đề rất đáng lưu ý: 1) sự khác biệt tài năng bẩm sinh giữa từng người không nhiều như ta nghĩ vì kỹ năng cần rèn luyện để đạt hiệu quả, 2) sản phẩm được sản xuất riêng tư từ mỗi cá nhân sẽ trở thành sản phẩm chung của toàn xã hội thông qua quá trình trao đổi. Hai vấn đề này cùng dẫn đến một hệ quả rằng thị trường – xã hội có tính thống nhất trong hoạt động hữu cơ như tính thống nhất của sinh thể. Riêng vấn đề thứ nhất dẫn xuất tính đa dạng trong thống nhất, một vấn đề triết học hóc búa được Hegel phát biểu trong luận điểm nổi tiếng “hợp lý tính là sự đồng nhất của cái đồng nhất và cái không đồng nhất”. Đa dạng trong thống nhất và thống nhất trong đa dạng khiến tư tưởng tự do dẻo dai, một biểu hiện của sức sống trong sinh thể hữu cơ. Riêng vấn đề thứ nhất còn dẫn xuất một nền giáo dục theo hướng chuyên môn hóa khi mà việc đào tạo nghề ngắn hạn phục vụ có chất lượng thị trường lao động song song với đào tạo học thuật khi mà kinh nghiệm và kỹ năng tay nghề sau khi tốt nghiệp trường nghề được chứng nhận tương đương học thuật để song hành vừa cung cấp nhân lực thị trường lao động vừa thỏa mãn nhu cầu học thuật cá nhân, đó là sự lựa chọn thay vì sự phân biệt. Riêng vấn đề thứ hai hạn chế sự phân tách giữa Adam Smith và những nhà xã hội học trong kinh tế lẫn triết học. Tóm lại, đặc điểm trao đổi (exchange aspect) cũng như phân công lao động (division of labor) là hòn đá tảng của nguyên lý bàn tay vô hình (invisible hand principle) và nguyên lý bàn tay vô hình là viên ngọc của tư tưởng tự do kinh tế (economic freedom thinking, economic liberalism) của Adam Smith.

Phân công lao động bị hạn chế bởi quy mô thị trường (Smith, 1776, p. 38), mặt khác, phân công lao động tương tác qua lại với tự do – tự do trao đổi hàng hóa, như vậy suy ra thị trường nhỏ hạn chế tự do nhưng trên thực tế lượng dân số của một quốc gia càng ít càng dễ đạt dân chủ và dân chủ luôn gắn với tự do. Giải thích nghịch lý này như thế nào? Lời giải đáp hết sức đơn giản, khẳng định thị trường nhỏ hạn chế tự do là một sai lầm vì bị khuếch tán bởi độ lệch rất nhỏ của khẳng định phân công lao động bị hạn chế bởi quy mô thị trường. Một cách chính xác, mức độ phân công lao động tương ứng độ lớn thị trường, và tự do là trạng thái thỏa mãn (nếu) có được từ phân công lao động. Như vậy phân công lao động thấp vẫn có tự do cao nếu nó thỏa mãn nhu cầu trao đổi của thị trường. Nếu thị trường nhỏ là một khách quan không thay đổi đối với tự do thì tự do với khía cạnh thỏa mãn khó mà bị chi phối bởi khách quan mặc định. Ngoài ra, lượng dân số không đồng nhất quy mô thị trường, cho nên bất luận thế nào, thị trường càng lớn càng có khả năng mở rộng tự do, đối nghịch một cách phát biểu chính xác, lượng dân số ít không hẳn làm tăng tự do mà là giảm rủi ro từ tự do khi mà quản trị rủi ro được dễ dàng. Duy lưu ý một điều khác, lượng dân số ít dễ dàng đáp ứng nhu cầu bầu cử và yêu cầu đại biểu nghị viện – nhánh lập pháp của nhà nước. Tóm lại, *quy mô thị trường tỉ lệ thuận với mức độ chi tiết / tinh vi của phân công lao động và cũng tỉ lệ thuận với lượng doanh nghiệp (cá thể) tham gia*, *lượng hàng hóa & tiền tệ trao đổi, lượng người tiêu dùng*. Do đó ta cần phân biệt thị trường và xã hội, xã hội có dân số đông chưa hẳn có thị trường quy mô lớn, trong khi đó xã hội dân sự là lực lượng đạo đức nền tảng của nhà nước.

Adam Smith đề cập tầm quan trọng của vận tải đặc biệt vận tải hàng hải (Smith, 1776, pp. 39-40), đây là ẩn ngữ luân chuyển & trao đổi, hoạt động bôi trơn mà chức năng của hệ thống tài chính là một loại vận tải trong chu lưu hàng hóa, theo đó hệ thống tài chính không những bôi trơn cỗ máy kinh tế mà còn “chuyên chở” hàng hóa trong vòng đời của hàng hóa được quan sát và điều hành bởi cả nhà nước và thị trường mà ta có thể mở rộng bàn luận về sự cần thiết của sự can thiệp của nhà nước vào thị trường. Như vậy hàng hóa – sản phẩm không những được chuyên chở vật lý từ vị trí địa lý này đến vị trí địa lý khác mà còn chu lưu trong vòng đời trừu tượng, với một ví dụ khác được phát họa bởi sổ kế toán. Hơn nữa, nếu bản thân hoạt động sản xuất là một loại sản phẩm thì hoạt động tài chính là phương tiện vận tải sản phẩm đó. Nguồn gốc của phân công lao động là sự trao đổi và hoạt động thương mại là một thể hiện của sự trao đổi, thế nên bức tranh thị trường nghĩa hẹp và bức tranh kinh tế nghĩa rộng dần hiện lên với hai mảng màu “năng lực sản xuất” và “quan năng tài chính”, đồng thời một vệt thứ ba xuất hiện nhập nhòe, đó là “hoạt động thương mại”, nhưng ý nghĩa của bức tranh này chưa bao giờ rời xa sự phân công lao động cũng như trao đổi chất, tuy sẽ ngày càng phức tạp hơn, tinh vi hơn. Nhắc lại, nguồn gốc của phân công lao động là trao đổi (hàng hóa) và mục đích của sự trao đổi là đạt thỏa mãn, khoan nói đến vấn đề thỏa mãn, thoạt bên ngoài sự phú cường thể hiện qua của cải nhưng trao đổi là động lực của tăng năng suất, động lực của sản xuất nhiều của cải mà phân công lao động là hệ quả trực tiếp và tất yếu của trao đổi nhằm tăng năng lực sản xuất. Tiền tệ với mục tiêu bôi trơn ban đầu là phương tiện của sự trao đổi và ngữ nghĩa của phân công lao động một lần nữa đệ quy “phân công” thành hoạt động sản xuất và hoạt động trao đổi (tiền tệ, tài chính, thương mại) khi nhu cầu trao đổi lại là diễn trình trước của phân công lao động. Trong khi tiền tệ là phương tiện trao đổi thì hoạt động thương mại là quy trình hóa của sự trao đổi sau lần đệ quy của phân công lao động. Ta hãy tìm hiểu tiền tệ theo quan điểm của Adam Smith như một sơ khởi của hoạt động tài chính.

Tất nhiên Adam Smith khẳng định **tiền tệ** (money, currency) là phương tiện trao đổi từ hình thức thô sơ như vỏ sò, ngũ cốc, tấm da đến kim loại, kim loại quý có chứng nhận nhà nước (Smith, 1776, pp. 41-42) và ngày nay là tiền giấy, cheque, tiền điện tử. Thực chất, giá trị của một đồng tiền quốc gia là *giá trị quy ước*, không đồng nhất *giá trị sử dụng* (use value) cũng không đồng nhất *giá trị trao đổi* (exchange value) của hàng hóa, do đó giá trị quy ước do quốc gia quy định / chứng nhận nên cần có một đối trọng trên bàn cân để bảo đảm giá trị quy ước, nên hệ thống tài chính cần có một *bản vị* (standard) cố định cho sự bảo đảm này, thông thường sẽ tích trữ vàng nhất là đối với kim bản vị và/hoặc tích trữ một loại ngoại tệ ổn định như đồng USD. Tuy nhiên, chính vì giá trị quy ước này mà quan điểm sự giàu có quốc gia do tích lũy kim loại quý dần trở nên lỗi thời tuy vẫn còn giá trị tham chiếu, nên bất luận hệ quy chiếu đa chiều có hoạt tác tài chính & thương mại thì cốt lõi sức mạnh kinh tế vẫn là trình độ sản xuất bao gồm cả hàng hóa trong tài chính & dịch vụ với mở rộng rằng hàng hóa – sản phẩm là bất cứ thứ gì hữu dụng và rộng hơn là bất cứ thứ gì mang lại sự thỏa mãn, ngoài ra, lượng tiền tệ tung ra thị trường phải tương ứng với tổng giá trị trao đổi của mọi hàng hóa trên thị trường thì giá trị quy ước của tiền tệ mới có giá trị. Bất luận thế nào, giá trị quy ước của tiền tệ phải tương ứng với giá trị sử dụng và giá trị trao đổi của hàng hóa. Tương ứng giữa giá trị quy ước và giá trị trao đổi cần được quan tâm hơn tương ứng giữa giá trị quy ước và giá trị sử dụng? Vậy giá trị thực của hàng hóa sản phẩm là giá trị trao đổi hay giá trị sử dụng? Lập luận của Adam Smith cho rằng giá trị trao đổi được đo bằng *lượng lao động* (Smith, 1776, p. 46), điều này hợp lý bởi hai nguyên nhân: 1) lượng lao động là thước đo chung và cuối cùng vì nó trực tiếp tạo nên hàng hóa và không thể phân rã tiếp, và 2) lượng lao động là mẫu số chung để hiện thực hóa sự trao đổi, tiếp theo khả thi hóa đặt ánh xạ giữa giá trị quy ước của tiền tệ và giá trị trao đổi của hàng hóa sản phẩm. Ghim cứng trong hệ thống tiền tệ thì *giá trị thực* của hàng hóa là giá trị trao đổi mặc dù Adam Smith cũng đề cập đến tính hữu ích của hàng hóa qua giá trị sử dụng và giá trị trao đổi vẫn là *giá trị danh nghĩa*. Nhưng giải thích thế nào trường hợp rất thường xảy ra khi một người sẵn sàng bỏ ra nhiều tiền để mua một món hàng hơn cả giá trị trao đổi của nó? Vấn đề là sự thỏa mãn, giá trị sử dụng của hàng hóa được thay bằng *giá trị thỏa mãn* (*lượng thỏa mãn*), khi đó giá trị trao đổi được ánh xạ về giá trị thỏa mãn, làm xuất hiện cùng lúc hai ánh xạ: 1) giá trị trao đổi → lượng lao động, và 2) giá trị trao đổi → lượng thỏa mãn. Sự tương tác giữa hai ánh xạ này điều chỉnh giá trị trao đổi và khiến giá trị quy ước hợp lý hơn trong cách giải thích, hơn nữa, giá trị sử dụng tuy không đồng nhất nhưng luôn tỉ lệ thuận với giá trị thỏa mãn. Ngoài ra, nên có đồng thời hai ánh xạ này vì lượng giá giá trị thỏa mãn không thể chính xác trên thực tế như lượng giá lượng lao động. Một ví dụ quen thuộc về nghịch lý nước và kim cương khi nước có giá trị sử dụng nhiều hơn kim cương nhưng kim cương có giá trị trao đổi lớn hơn nước, vì rằng bên cạnh lượng lao động khai thác, cắt gọt và mài dũa kim cương nhiều hơn lượng lao động gánh nước mang về còn có lượng thỏa mãn khi sở hữu kim cương nhiều hơn khi uống nước, nhưng mọi chuyện sẽ khác nếu như toàn thế giới là sa mạc mà khai thác giếng nước ngầm trở nên cực kỳ khó khăn hoặc giả một người sắp chết khát thì giá trị trao đổi của nước trở nên cực kỳ lớn bởi ánh xạ “giá trị trao đổi → lượng thỏa mãn” chi phối gần như hoàn toàn. Ghi chú: vui lòng phân biệt giá trị (value) và giá cả (price) vì giá trị quy ước của tiền tệ còn liên quan đến giá cả thị trường. Ghi chú: Francis Yoshihiro Fukuyama đề cập (Fukuyama, 2013) “lợi nhuận phải được thay thế bằng một giá trị như tiện ích có thể là hàng hóa, thu nhập hoặc sự nghỉ ngơi, sự thỏa mãn, thú vui” trong bài nghiên cứu “Sự cáo chung của lịch sử? (The End of History?)” bàn về chủ nghĩa tự do.

Cùng một lượng lao động tức cùng một giá trị trao đổi nhưng lượng lao động ở quốc gia này có giá trị quy ước khác với giá trị quy ước tại quốc gia khác, và chính sự chênh lệch giá trị quy ước này cũng mang đến lợi nhuận tức giá trị trao đổi mới, điều này cũng tương tự như chuyển dịch dòng vốn trong thị trường tài chính – chỉ cần có chuyển dịch là có giá trị trao đổi mới, tương tự *thế năng* do độ cao hoặc như theo một câu châm ngôn quen thuộc “mua rẻ bán đắt, vay mau trả chậm”, vì lý do đơn giản nhất của hiệu dụng bôi trơn. Adam Smith cho rằng sự giàu có của một người tùy thuộc vào lượng lao động mà người đó mua hay chiếm dụng (Smith, 1776, p. 46), vấn đề là mua lượng lao động thì phải trả bằng lượng lao động tương đương thông qua tiền tệ nên giải thích thế nào khi chỉ còn sự giàu có bằng chiếm dụng với chấp nhận rằng lượng giá lao động đã tính đến kỹ năng và công sức? Đó, hoặc không phải chiếm dụng mà tổng thể thị trường đã tạo ra nhiều của cải hơn nên mỗi người được hưởng nhiều hơn (đây cũng tương ứng ngữ nghĩa chiếm dụng tức sở hữu của Adam Smith), hoặc trường hợp thứ hai là tồn tại chiếm dụng và chiếm dụng từ chênh lệch trình độ sản xuất tương tự chênh lệch giá trị quy ước vừa đề cập. Vì vậy dòng chảy thương mại không phải luôn hợp lý mà sự bất hợp lý nào đó của dòng chảy thương mại lại hợp lý theo quy tắc riêng của nó, không khác bao nhiêu chọn lọc tự nhiên Darwin. Nhắc lại, cốt lõi sức mạnh kinh tế là trình độ sản xuất, sau này là trình độ công nghệ, bất kể hệ quy chiếu đa chiều có hoạt tác và có ánh xạ tâm thức điều chỉnh trở lại, vì rằng nguồn lực vũ trụ gần như vô hạn nên trình độ công nghệ còn diễn tiến không thể biết trước, một lần nữa sẽ khiến sự giàu có từ tổng thể thị trường tạo ra nhiều của cải trở nên chủ đạo nhưng rẽ nhánh vi mô của nó là sự chênh lệch không thể tránh khỏi, như một động lực thúc đẩy trình độ sản xuất. Ghi chú: bài nghiên cứu chưa đề cập việc chiếm dụng của cải bằng quyền lực cũng như của cải tạo nên quyền lực với góc độ kinh tế học thuần túy.

Giá trị trao đổi khi được mặc cả và thương lượng trên thị trường (Smith, 1776, p. 47) trở thành *giá cả* vì phức hợp lượng lao động bao gồm kỹ năng và công sức. Khi thị trường chấp nhận giá cả để trao đổi hàng hóa thì giá trị quy ước của tiền tệ mới hiệu quả như một cầu nối giữa giá trị trao đổi của hàng hóa và giá cả của hàng hóa, lúc đó mọi người trong thị trường mới có thể mua bán hàng hóa bằng (giá trị quy ước) tiền tệ theo giá cả niêm yết. Lưu ý, giá cả hàng hóa tính bằng đơn vị tiền tệ tức giá trị quy ước của tiền tệ nhưng giá trị trao đổi của hàng hóa tính bằng lượng lao động, nên giá trị quy ước của tiền tệ rất quan trọng, khiến các hệ thống tài chính giữa các quốc gia hình thành *tỉ giá hối đoái* (exchange rate) giữa những đồng tiền. Bất luận thế nào, giá cả hàng hóa luôn được thị trường điều chỉnh, tức luôn biến động khiến giá trị quy ước của tiền tệ hay rộng hơn – hệ thống tiền tệ cùng tỉ giá hối đoái cũng biến động theo, trong khi đó, giá trị trao đổi của hàng hóa ổn định hơn. Giá trị trao đổi của hàng hóa được tính bằng lượng lao động nhưng đến lượt lao động trở thành một loại hàng hóa mua bán trên thị trường như thuê nhân công thì giá trị trao đổi của hàng hóa “lao động” như thế nào? Như đã đề cập, lượng lao động không thể bị phân rã nên giá trị trao đổi của hàng hóa “lao động” là chính nó – lượng lao động bao gồm kỹ năng và công sức nhưng hàng hóa “lao động” vẫn có giá cả trên thị trường như bất cứ hàng hóa nào khác, nên sẽ xảy ra khác biệt về tiền thuê nhân công. Giá trị quy ước của tiền tệ được neo giữ bằng bản vị như vàng / ngoại tệ, trong khi đó, giá trị trao đổi được neo giữ bằng lượng lao động, và giá trị quy ước là cầu nối giữa giá cả và giá trị trao đổi. Giá trị trao đổi tương đối ổn định vì lượng lao động không thể bị phân rã nhưng trên thực tế, giá trị trao đổi vẫn biến động theo thời gian vì trình độ sản xuất tăng tiến theo thời gian, suy ra rằng bản vị cơ bản nhất của hệ thống tiền tệ là trình độ sản xuất mà chính cơ chế trao đổi thúc đẩy phân công lao động, thúc đẩy trình độ sản xuất, và đến lượt trình độ sản xuất thúc đẩy trở lại sự hoạt tác của cơ chế trao đổi. Khi giá trị quy ước của tiền tệ được thị trường điều chỉnh tương ứng sát sao với giá trị trao đổi của hàng hóa trên thị trường thì tiền tệ càng tiến gần giá trị thực của nó, đồng thời tiền tệ có thể trở thành một loại hàng hóa vừa là phương tiện trao đổi vừa là cái được trao đổi, nghĩa là tiền tệ lúc này cũng có giá cả trên thị trường như bất kỳ hàng hóa khác và giá trị quy ước của nó là giá trị trao đổi của nó. Nếu tiền tệ trở thành hàng hóa thì có lẽ không cần đến bản vị vàng/ngoại tệ vì bản thân nó tự lưu thông trên thị trường nhưng luôn tồn tại bản vị cơ bản nhất là trình độ sản xuất. Lưu ý, giá trị trao đổi của hàng hóa trong bài nghiên cứu này có thể bao gồm hay ánh xạ đến cả hai lượng lao động và lượng thỏa mãn.

Có thể nói rằng Adam Smith khởi đầu chủ nghĩa tự do kinh tế, chỉ riêng về tự do kinh tế bằng việc phát hiện bản chất tự nhiên của nhu cầu trao đổi nhu yếu phẩm trong sinh hoạt hằng ngày tiến hóa thành phân công lao động nảy nở muôn hình vạn trạng hàng hóa sản phẩm trong thị trường cùng sự xuất hiện của phương tiện trao đổi là tiền tệ và sau này là hệ thống tài chính, phát sinh quy luật cạnh tranh, tổng kết lại bởi nguyên lý bàn tay vô hình “khi mọi người mưu cầu lợi ích cá nhân sẽ tự động hóa tiến trình phát triển của nền kinh tế tạo ra nhiều của cải làm cho xã hội giàu có hơn và quay trở lại phục vụ nhu cầu từng người tốt hơn khiến họ càng có nhiều của cải hơn” hay nói ví von rằng bàn tay vô hình thực hiện phân công lao động. Từ nguyên lý bàn tay vô hình, chủ nghĩa tự do kinh tế được tóm lược một cách hệ thống bởi bốn nguyên tắc chính sau (Gemini 2025): 1) nguyên tắc *thị trường tự do* tự điều chỉnh nguồn lực một cách hợp lý nhất mà trong đó sản lượng và giá cả của hàng hóa trên thị trường được quy định bởi quy luật cung cầu, 2) nguyên tắc *sở hữu tư nhân* được thiết lập vững chắc để mọi người có động lực hăng say sản xuất và tối ưu hóa việc sử dụng tài sản của họ, 3) nguyên tắc *chính phủ ít can thiệp thị trường*, nguyên tắc này tương ứng với nguyên tắc thị trường tự do, theo đó nhiệm vụ chủ đạo của chính phủ là cung cấp dịch vụ công và bảo đảm hoạt động công bằng trên thị trường, ngoài ra để thị trường phát triển tự do, ngay cả những quy định trợ cấp của chính phủ cũng không được khuyến khích, 4) nguyên tắc *thương mại tự do*, nghĩa là các rào cản thuế quan và hạn ngạch giữa các quốc gia cần dỡ bỏ hoặc hạn chế để thúc đẩy nhu cầu tự do trao đổi trên bình diện quốc tế, nguyên tắc này mở rộng hàm nghĩa tự do của thị trường từ nội địa ra toàn cầu. Tóm lại, trọng tâm của chủ nghĩa kinh tế tự do là tôn trọng thị trường tự do, có thể hiểu miễn cưỡng như câu châm ngôn “trời đất không của riêng ai, thị trường không có bá chủ”, tuy rằng thị trường vẫn bị chi phối mà thống trị là nhu cầu của loài người từ buổi khai thiên lập địa như mọi nhu cầu khác, tương tác và ràng buộc lẫn nhau, tuy rằng chủ nghĩa kinh tế tự do không phải chén thánh, vẫn còn những học thuyết kinh tế khác, những học thuyết kinh tế dung hòa khác. Bất luận thế nào, bản chất tự nhiên của kinh tế là sinh sôi nảy nở nên tư tưởng tự do trong kinh tế luôn phảng phất thể hiện tính đa sắc của xã hội.

# Giá cả hàng hóa

Do sự biến động của **giá cả** trong thị trường nên Adam Smith phân chia giá cả hàng hóa thành *giá cả tự nhiên* (natural price) và *giá cả thị trường* (market price), theo đó giá cả thị trường biến động hơn, xoay xung quanh giá cả tự nhiên và có xu hướng tiến đến giá cả tự nhiên, và đến lượt giá cả tự nhiên có xu hướng tương hợp giá trị trao đổi. Nhắc lại nguyên nhân của sự biến động giá cả do cơ chế mặc cả và thương lượng trên thị trường. Giá cả tự nhiên còn được gọi giá cả thực và giá cả thị trường còn được gọi giá cả danh nghĩa. Giá cả thị trường của hàng hóa được niêm yết trong thị trường nhưng dao động tại những địa điểm và thời điểm khác nhau đến tận ngắn hạn. Hoạt động thương mại được thực hiện với giá cả thị trường tính bằng đơn vị tiền tệ – giá trị quy ước của tiền tệ. Giá cả tự nhiên không phải lúc nào cũng tương đương hay tương hợp giá trị trao đổi. Quy định rằng *lượng tiền* trong ngữ nghĩa giá trị quy ước của tiền tệ là đơn vị cơ bản để đề cập đến những khái niệm cao hơn của nền kinh tế như vốn và tư bản, thay vì xoay quanh lượng lao động quá trừu tượng. Nhắc lại, giá trị quy ước của tiền tệ là cầu nối giữa giá trị trao đổi của hàng hóa và giá cả của hàng hóa, trong trường hợp lý tưởng thì giá trị quy ước hợp nhất với giá trị trao đổi và giá cả gồm giá cả tự nhiên và giá cả thị trường, lúc này lượng tiền đồng nhất lượng lao động. Tiền tệ có giá trị quy ước vì nó quy ước lượng của giá trị trao đổi nội tại quốc gia nhưng ngoài ra, giá trị quy ước của đồng tiền một quốc gia thể hiện qua tỉ giá hối đoái, tức mức độ chênh lệch của bản vị trình độ sản xuất. Do đó trên tổng thể, từ bản vị trình độ sản xuất, giá trị quy ước của tiền tệ được quy định bởi thị trường ngoại hối toàn cầu, nên giá trị quy ước của tiền tệ còn được gọi là *giá trị của đồng tiền* (quốc gia) để lượng tiền luôn được đặt trong ngữ cảnh giá trị của đồng tiền. Một cách chính xác, theo Gemini 2025, giá trị của đồng tiền được xác định bởi sự cân bằng giữa cung (supply) và cầu (demand) trên thị trường ngoại hối toàn cầu và những yếu tố ảnh hưởng đến giá trị của đồng tiền bao gồm: 1) lãi suất do ngân hàng quốc gia quy định, cụ thể, lãi suất tín dụng tăng thì đồng tiền tăng giá vì một mặt ít người vay nên lượng tiền trên thị trường giảm và mặt khác nhiều người đầu tư gởi tiền lấy lãi khiến sức mua của đồng tiền tăng, 2) *lạm phát* (inflation), cụ thể, lượng tiền tung ra thị trường nhiều hơn giá trị lượng của cải thì lạm phát tăng khiến hàng hóa đắt đỏ hơn (vì cần nhiều tiền hơn để mua) tức sức mua của đồng tiền giảm hay đồng tiền mất giá, 3) cán cân thương mại, cụ thể, khi thặng dư thương mại với xuất khẩu nhiều hơn nhập khẩu thì các quốc gia khác cần nhiều nhu cầu mua hàng nên phải trả nhiều tiền của họ hơn để mua hàng (mua ngoại tệ) khiến đồng tiền của quốc gia xuất khẩu tăng giá, ngược lại khi thâm hụt thương mại xảy ra với nhập khẩu nhiều hơn xuất khẩu thì quốc gia nhập khẩu phải trả nhiều tiền hơn tức mua nhiều ngoại tệ hơn khiến đồng tiền mất giá, 4) sức khỏe nền kinh tế, cụ thể, một quốc gia có nền kinh tế ổn định và tăng trưởng đều thì tăng cường tính ổn định của đồng tiền, và 5) *dự trữ ngoại hối* (foreign exchange reserves), ngân hàng trung ương có một lượng dự trữ ngoại hối để can thiệp thị trường ngoại hối bằng cách bán ra và mua vào ngoại tệ, tác động đến quy luật cung cầu, ví dụ, khi ngân hàng trung ương bơm ngoại tệ vào thị trường làm tăng lượng ngoại tệ và người dần cần bán nội tệ ra thị trường để mua ngoại tệ khiến lượng nội tệ tăng tức tăng cung nội tệ làm giảm giá đồng tiền, ngược lại khi ngân hàng trung ương mua ngoại tệ thì người dân trả nội tệ để mua ngoại tệ và ngân hàng trung ương thu nội tệ về khiến lượng nội tệ trên thị trường giảm làm tăng cầu nội tệ tức tăng giá đồng tiền. Khi giá trị [trao đổi] của đồng tiền tăng/giảm, ta nói *sức mua* của đồng tiền tăng/giảm với định nghĩa rằng sức mua (purchasing power, buying power) hay mãi lực của đồng tiền là số lượng hàng hóa / dịch vụ mà một đơn vị tiền tệ có thể mua. Ghi chú: *ngoại hối* (foreign exchange, forex, FX) là thuật ngữ chung chỉ tài sản hoặc quyền tài sản có thể được chuyển đổi và sử dụng như ngoại tệ, tất nhiên ngoại hối bao gồm chính *ngoại tệ* (foreign currency) và ngoại hối thường chỉ đến ngoại tệ trong nghiên cứu này. Nếu một ngoại tệ ổn định như đồng USD được làm bản vị thì giá trị của một đồng tiền là tỉ giá hối đoái giữa đồng USD và đồng tiền đó, tức độ lệch giữa đồng USD và đồng tiền đó, nhưng bất luận thế nào, bản vị trình độ sản xuất là bản vị cơ bản nhất. Giá cả qua một số ánh xạ từ đo bằng lượng lao động của giá trị trao đổi đến lượng tiền nên giá cả của hàng hóa sẽ được tính bằng lượng tiền hay *giá tiền* (money price) với lưu ý rằng lượng lao động và lượng thỏa mãn tuy ổn định nhưng giá tiền của lượng lao động và lượng thỏa mãn thay đổi liên tục. Như vậy ta dần hiểu rằng trong khi hoạt động tài chính bôi trơn hoạt động sản xuất thì hoạt động sản xuất cũng tạo thế năng chênh lệch để hoạt động tài chính thu được lợi nhuận tức tạo ra giá trị trao đổi mới từ sự chênh lệch này, do đó, định luật bảo toàn năng lượng trong vật lý không còn đúng trong kinh tế học vì nguồn lực vô hạn của vũ trụ bị giới hạn và liên tục được kéo dãn giới hạn bởi trình độ sản xuất của loài người, mặc dù tồn tại sự cay đắng của trò chơi có tổng bằng 0 chỉ diễn ra trong ngắn hạn.

Adam Smith định nghĩa giá cả tự nhiên là chi phí sản xuất một mặt hàng tính bằng giá tiền, bao gồm *tiền công* (tiền lương) cho người lao động, *tiền thuê đất* (địa tô) cho địa chủ/chủ đất và *lợi nhuận* (tiền lời) cho nhà tư bản/nhà đầu tư. Tiền thuê đất là chi phí cho bên thứ ba trong hoạt động sản xuất gồm hai đối tượng chính là *nhà tư bản* và *người lao động*. Giá cả tự nhiên được định nghĩa tổng quát bao gồm: 1) *tiền công* cho người lao động tức giá tiền thuê nhân công, 2) *vốn* của nhà tư bản bao gồm nguồn lực (nhà xưởng, máy móc,…) được sử dụng trong sản xuất ngoài tiền công và ngoài chi phí cho bên thứ ba, 3) *chi phí cho bên thứ ba* như tiền thuê nhà đất và thuê dịch vụ, 4) *chi phí vận chuyển*, và 5) *lợi nhuận*. Giá cả tự nhiên cũng như các thành tố được tính bằng giá tiền. Ba yếu tố như tiền công, vốn và chi phí cho bên thứ ba gom vào vốn tổng thể của *nhà tư bản sản xuất* nhưng hai yếu tố như chi phí vận chuyển và lợi nhuận không thuộc vốn tổng thể của nhà tư bản sản xuất. Chi phí vận chuyển bao gồm tất cả chi phí liên quan đến vận chuyển, phân phối, trưng bày để bán sản phẩm là phần vốn mà *nhà tư bản bán lẻ* khác đầu tư vào sản phẩm để thu thêm lợi nhuận, do đó lợi nhuận của nhà tư bản sản xuất không bị khấu trừ bởi chi phí vận chuyển và hoạt động thương mại là vệt màu nhập nhòe giữa hoạt động sản xuất và hoạt động tài chính. Đối với nhà tư bản sản xuất, giá cả tự nhiên chủ yếu bao gồm tiền công, tiền thuê đất và lợi nhuận. Đối với nhà tư bản bán lẻ, giá cả tự như chủ yếu bao gồm chi phí vận chuyển và lợi nhuận. Đối với *nhà tư bản tài chính*, giá cả tự nhiên chủ yếu chỉ có lợi nhuận, ví dụ hoạt động cho vay lấy lãi. Ghi chú, theo Gemini 2025, *tư bản* (capital) và *vốn* là hai khái niệm tương tự nhưng có sự khác biệt tinh tế, trong đó, vốn có ngữ nghĩa rộng hơn, chỉ các nguồn lực được sử dụng trong quá trình sản xuất, trong khi đó, tư bản là một dạng cụ thể của vốn, bao gồm tiền bạc, máy móc, thiết bị và các tài sản được sử dụng để sản xuất hàng hóa và dịch vụ. Năm thành tố gồm tiền công, vốn, chi phí cho bên thứ ba, chi phí vận chuyển và lợi nhuận đều có thể được đặt ánh xạ đến lượng lao động và cuối cùng quy về giá tiền, nhưng yếu tố lợi nhuận là mấu chốt của hoạt động sản xuất tư bản vì đó là động lực thu lợi để nhà tư bản tổ chức hoạt động sản xuất, một cách trực tiếp là động lực của nguyên lý bàn tay vô hình vận hành cỗ máy kinh tế. Tuy nhiên không thể lý giải lợi nhuận là tiền công cho hoạt động điều hành của nhà tư bản vì nếu nhà tư bản đầu tư một lượng vốn & tiền công lớn thì lợi nhuận sẽ đạt nhiều hơn khi mà công sức giám sát và điều hành của họ không thể gia tăng vượt mức như lợi nhuận, hơn nữa, tiền công giám sát và điều hành vẫn có thể được nhập vào tiền công lao động một cách tổng quát, nên Adam Smith cũng đề cập vấn đề này rằng lợi nhuận tỉ lệ với số vốn đầu tư. Nếu thế, chẳng lẽ không có cách lý giải nào khác ngoài khẳng định lợi nhuận là giá trị thặng dư (surplus) được bóc lột từ lao động của công nhân? Đúng vậy, lợi nhuận luôn ẩn chứa bóc lột sức lao động, tùy mức độ ít hay nhiều mà thôi. Tuy nhiên sự bóc lột luôn đi kèm với *thế năng của trình độ sản xuất* để tạo thành lợi nhuận tổng thể. Khi nhà tư bản đầu tư thêm vốn thì lượng vốn thặng dư là tài sản của họ, thừa hưởng hay thừa hưởng bằng cách huy động bên ngoài và lượng vốn này tương ứng với lượng lao động được neo giữ bằng một trình độ sản xuất cao hơn rất nhiều trình độ sản xuất của công nhân, tạo nên một thế năng chênh lệch đổ xuống thành lợi nhuận, mà sự bóc lột công nhân dù rất nhỏ cũng đủ để dịch chuyển thao tác trút nguồn lợi nhuận này, tương tự ngòi nổ để kích nổ quả mìn. Thế năng này cũng không phải một chiều mà có hai chiều, ở chiều ngược lại, lượng lao động tức giá trị trao đổi trong công nhân bùng nổ thành giá cả tự nhiên tức giá tiền bất kể tồn tại sự bóc lột. Nhà tư bản còn có những vốn (thế năng) khác tuy vô hình nhưng cực kỳ có giá trị như nắm bắt nhu cầu, đi đầu chuỗi cung ứng. Ghi chú & lưu ý: tỉ suất lợi nhuận không tuyến tính với vốn mà thường đi theo hàm số phi tuyến, ví dụ, 10 đồng vốn cho 2 đồng lời tối đa nên 20 đồng vốn cho 4 đồng lời (tuyến tính) nhưng 30 đồng vốn có thể cho nhiều hơn 6 đồng lời (phi tuyến) vì bóc lột và/hoặc kỹ năng sản xuất *tăng tích lũy một cách phi tuyến* theo quy mô. Lõi của giá cả tự nhiên được gọi *giá thành* chỉ gồm bốn thành tố (tiền công, vốn (nhà xưởng, công cụ, nguyên vật liệu), chi phí cho bên thứ ba, chi phí vận chuyển) và lợi nhuận phình to là do thế năng của trình độ sản xuất. Giá cả tự nhiên của hàng hóa “bôi trơn” từ hoạt động tài chính thuần túy nếu giả sử được tạm xem là hàng hóa thì chỉ có lợi nhuận với lõi giá thành zero. Hoạt động thương mại thuần túy nhập nhòe giữa hoạt động sản xuất và hoạt động tài chính do đóng góp vào giá thành hàng hóa qua chi phí vận chuyển. Tóm lại, thế năng của trình độ sản xuất không những tạo lợi nhuận cho hoạt động tài chính mà cũng góp phần tạo lợi nhuận cho hoạt động sản xuất và trình độ sản xuất trong hoạt động sản xuất được thể hiện ở ba phương diện: 1) kỹ năng của thao tác sản xuất, 2) thế năng tiềm tàng của huy động vốn, và 3) thế năng ngược làm bùng nổ giá trị trao đổi của nhân công thành giá tiền. Lưu ý, thế năng của trình độ sản xuất không những tạo lợi nhuận cho hoạt động tài chính, mà vốn cũng là trình độ sản suất, đến lượt quan năng tài chính cũng là trình độ sản xuất. Một phát minh trí tuệ phải có nền tảng công nghệ mới phát huy tột độ, giải phóng năng lượng cực độ; nhưng nền tảng công nghệ cũng phải được xây bởi những phát minh trí tuệ nên vòng lẩn quẩn này không dễ dàng vượt qua đối với mỗi quốc gia.

Giá cả thị trường dao động quanh giá cả tự nhiên, được niêm yết trên thị trường cho hoạt động mua bán thực sự diễn ra, được xác định bởi *quy luật cung cầu* “cung ít cầu nhiều thì giá cả thị trường tăng và ngược lại”, do đó giá cả thị trường còn bị chi phối bởi lượng thỏa mãn và nếu như ta chú ý ánh xạ “giá trị trao đổi → lượng thỏa mãn” thì giá cả thị trường quan trọng hơn ta nghĩ, không còn phụ thuộc hẳn vào giá cả tự nhiên mà đúng hơn, giá cả thị trường là một hợp lý tính, một điều chỉnh của giá cả tự nhiên. Lưu ý, quy luật cung cầu là nguyên nhân của *quy luật cạnh tranh*. Nhắc lại, nguồn gốc của phú cường là tăng năng lực sản xuất, nguồn gốc của tăng năng lực sản suất là phân công lao động và cuối cùng, trao đổi là nguồn gốc của phân công lao động; như vậy sự tương đương giữa trao đổi và phân công lao động là bản thiết của cỗ máy kinh tế được thi công và vận hành bởi thị trường, tạo ra nhiều của cải hơn với mục tiêu tối hậu là nâng cao trình độ sản xuất mà thế năng từ sự chênh lệch trình độ sản xuất rất quan trọng. Bất luận thế nào, mọi sản phẩm, hàng hóa, sự hiệu dụng đều quy về lượng lao động và/hoặc lượng thỏa mãn và trình độ sản xuất bó hẹp trong ngữ cảnh sản xuất, không rộng lớn như trình độ văn minh, nếu không sẽ khiến lập luận trở nên lan man. Ghi chú: thế năng vốn, độc quyền thương mại, bí quyết công nghệ, sở hữu trí tuệ,… thuộc trình độ sản xuất nhưng trình độ sản xuất không đồng nhất trình độ học vấn hay trí tuệ.

Adam Smith tập trung vào ba thành tố cơ bản của giá cả tự nhiên: tiền công cho người lao động, tiền thuê đất cho chủ đất và lợi nhuận cho nhà đầu tư. Thu nhập từ công lao động được gọi là *tiền công* (tiền lương), thu nhập từ vốn được gọi là *lợi nhuận* (tiền lời) của người trực tiếp sử dụng vốn, thu nhập từ vốn được cho vay được gọi là *tiền lãi* của người cho vay không trực tiếp sử dụng vốn (Smith, 1776, p. 61). Tiền lãi là thu nhập phái sinh được trích xuất từ lợi nhuận của người vay trả cho người cho vay. Mỗi xã hội – quốc gia có tỉ suất khác nhau giữa lợi nhuận với tiền công, giữa lợi nhuận với tiền thuê đất (Smith, 1776, p. 63), cũng như giữa giá cả tự nhiên với tiền công, tiền thuê đất & lợi nhuận, nên sự điều chỉnh của giá cả thị trường theo các tỉ suất này được quy định bởi quy luật cung cầu & quy luật cạnh tranh trên thị trường thực chất còn là ánh xạ từ giá trị trao đổi đến lượng thỏa mãn. Chính vì góp mặt của lượng thỏa mãn làm xuất hiện thô lậu từ lòng tham như găm hàng, ghim giá, đầu cơ quá mức, độc quyền chi phối, bóc lột tàn tệ nên tự do kinh tế vốn bị chằng chịt trong mạng nhện cần sự can thiệp nhất định của *bàn tay hữu hình* tức sự can thiệp nhất định của nhà nước để gạn thô lậu, khai thông tự do kinh tế mà sự tự do trong tâm tưởng của công dân trở nên ổn định trong mạng nhện kinh tế xã hội. Tự do kinh tế có can thiệp nhà nước sẽ được bàn luận sau. Trước tiên ta hãy phân tích **tiền công** trong giá cả tự nhiên cũng như nhân lực trong nền kinh tế, một yếu tố sống còn. Nhu cầu thuê mướn lao động tăng lên cùng lúc gia tăng của cải quốc gia, làm tăng tiền lương – giá tiền công lao động tức giá cả thị trường của lao động tính bằng giá tiền (Smith, 1776, p. 73), do đó tiền lương phản ánh tổng lượng của cải được sản xuất bởi một quốc gia nhưng chưa hẳn phản ánh sự giàu có của một quốc giá vì sự giàu có phụ thuộc vào nhiều yếu tố và không đồng nhất với tổng số của cải nhưng sự giàu có luôn phải bắt nguồn từ việc tạo ra nhiều của cải. Nhắc lại, *thế năng trình độ sản xuất* (TNTĐSX) tức nguồn gốc lợi nhuận, tức động lực của bàn tay vô hình, có được từ chênh lệch trình độ sản xuất là *hàm phi tuyến của vốn* (tư bản) của nhà tư bản có sự kích hoạt của bóc lột lao động nên TNTĐSX cũng là *hàm phi tuyến của bóc lột* lao động. Hàm phi tuyến, nếu theo công thức tính lãi là hàm mũ, tăng trưởng theo thời gian, theo độ dài sản xuất, theo cường độ sản xuất nên về lý thuyết thể hiện sự *sinh sôi nảy nở*, không thể dừng lại, vì nếu dừng lại thì nền kinh tế sẽ “già” và “chết” và nhiều nền kinh tế đã từng già, chết và tái sinh; đó là bản chất tự nhiên như ta đã từng biện luận rằng thị trường hay nền kinh tế rộng hơn có một bản chất tự nhiên với nguyên lý bàn tay vô hình. Một hiệu ứng lề chưa thể giải quyết khi trình độ công nghệ chưa đuổi kịp nguồn lực vũ trụ vô hạn thì phát sinh bóc lột môi trường trái đất, đó là vấn nạn – mặt trái của phát triển kinh tế khi sự sinh sôi nảy nở chưa hoàn toàn đúng với tự nhiên trở nên một sự bù trù vì nếu như “lạm dụng” thật sự nguồn lực vũ trụ mà vũ trụ vô hạn thì không phải lạm dụng vì ý nghĩa của sự “mất đi” không còn với lý lẽ đơn giản của sự vô tận – nguồn lực vũ trụ vô hạn thì không thể bị tổn thất hoặc giả ta không thể biết sự tổn thất nhưng sự sinh sôi nảy nở kinh tế lại diễn ra hiển nhiên theo cách ta nhìn nên nó thật sự hiển nhiên đối với ta. Hỏi: chẳng lẽ kinh tế tri thức thâm dụng nguồn lực vũ trụ? Đáp: nguồn lực vũ trụ không những bao gồm năng lượng và tài nguyên mà còn bao gồm loài người và trí tuệ loài người và còn rất nhiều nữa.

Giả sử tỉ suất lợi nhuận hoạt động sản suất là *r* = 10% và giả sử thế năng trình độ sản xuất (TNTĐSX) tuân theo hàm mũ phi tuyến, với số vốn ban đầu *x*0 sẽ tăng tích lũy một cách phi tuyến thành *x* sau *n* khoảng thời gian như sau:

Vốn ban đầu *x*0, vốn gia tăng *x*, và tỉ suất lợi nhuận giả sử được tính bằng giá trị trao đổi thay vì giá cả tự nhiên (giá tiền) để tương ứng với lượng lao động và lượng thỏa mãn. Giả sử lượng bóc lột ban đầu là *d*0 thì vốn gia tăng được *tích lũy* như sau:

Vui lòng lưu ý rằng trình độ sản xuất của nhà tư bản đã nhập vào vốn *y* nên có thể nói *vốn tức tư bản không khác – không tách rời trình độ sản xuất và trình độ sản xuất không khác – không tách rời vốn vì sự tồn tại của hàm phi tuyến “thế năng trình độ sản xuất” (TNTĐSX)*. Một cách chính xác, vốn là ánh sáng trắng tổng hợp nhiều ánh sáng màu ở những bước sóng khác nhau như hàng hóa, lượng tiền, lượng lao động, lượng thỏa mãn, trình độ sản xuất,… nhưng vốn tổng quát hơn hàng hóa mà vẫn cụ thể như hàng hóa. Vốn không hoàn toàn cố định như nhà xưởng đất đai và cũng không hoàn toàn lưu động như chi thường xuyên – trả lương, mặc dù có thể và nên phân lập vốn thành vốn cố định và vốn lưu động, mà vốn đại diện cho tất cả. Ghi chú, tích lũy vốn tăng độ phức tạp hàm TNTĐSX, tăng trí tuệ nền kinh tế.

Nhắc lại, giá cả tự nhiên của hàng hóa được định nghĩa tổng quát bao gồm: 1) tiền công với biến số *a*1, 2) vốn cố định (nhà xưởng, máy móc,…) với biến số *a*2, 3) chi phí cho bên thứ ba với biến số *a*3, 4) chi phí vận chuyển với biến số *a*4, và 5) lợi nhuận với biến số *b*. Giá thành của hàng hóa chỉ gồm *a*1, *a*2, *a*3, và *a*4 không gồm lợi nhuận. Giá sử *f*(*a*1, *a*2, *a*3, *a*4) là hàm thế năng trình độ sản xuất (hàm TNTĐSX) thì lợi nhuận *b* là hiệu số sau:

Giả sử hàm TNTĐSX còn phụ thuộc vào tham số ẩn tàng trình độ sản xuất *θ* và biến số lượng bóc lột *d* thì hàm TNTĐSX được biểu diễn đầy đủ như sau:

Sao cho:

Công thức của hàm TNTĐSX phụ thuộc vào phương pháp luận hay mô hình kinh tế nhưng với ví dụ đơn giản của tỉ suất lợi nhuận, hàm TNTĐSX được mô phỏng như sau:

Với *r* là tỉ suất lợi nhuận và *θ* được tạm hiểu như chu kỳ sản xuất. Với ví dụ hàm TNTĐSX tỉ suất lợi nhuận thì lợi nhuận *b* được tính như sau:

Mặt khác tỉ suất lợi nhuận chính là tỉ lệ của giá cả tự nhiên trên giá thành sau:

Đặt *rd* là tỉ suất bóc bột lao động:

Sao cho:

Vấn đề mấu chốt ở đây, vì ta không thể xác định lượng bóc lột *d* nên ước lượng *d* qua tỉ suất bóc lột *rd* nhưng làm thế nào để tính *rd*? Không có cách nào khác ngoài ước lượng *rd* theo phương pháp thực hành, theo đó *rd* là tỉ lệ của tiền công lao động tại một thời điểm nào đó hoặc tại một quốc gia (tiền công đặc thù) với tiền công lao động phổ biến tại thời điểm gần nhất hoặc trên thế giới (tiền công phổ quát).

Lưu ý, *as* là tiền công đặc thù và *au* là tiền công phổ quát, tất nhiên *as* nhỏ hơn hoặc bằng *au* (*as* ≤ *au*) và quy về lượng lao động hay giá tiền cùng một đồng tiền. Với sự cố định của tỉ suất lợi nhuận *r* và sự ước lượng của tỉ suất bóc lột *rd*, có thể tiếp tục ước lượng tham số trình độ sản xuất *θ* của hàm TNTĐSX tỉ suất lợi nhuận như là nghiệm của phương trình sau:

Lưu ý, phương trình trên có thể được giải gần đúng với phương pháp Newton-Raphson. Tuy nhiên vẫn chưa dễ dàng phân tích tham số trình độ sản xuất *θ* lẩn quất như thế nào với tỉ lệ ra sao trong các thành tố *a*1, *a*2, *a*3, và *a*4. Hơn nữa có thể còn nhiều dạng hàm TNTĐSX phụ thuộc vào phương pháp luận hay mô hình kinh tế.

Trở lại phương trình:

Với:

Ta có thể ước lượng tỉ suất bóc lột *rd* mà không cần đến tỉ lệ tiền công đặc thù trên tiền công phổ quát, như sau:

Giả sử tham số trình độ sản xuất *θ* đại diện cho chu kỳ sản xuất, nếu chu kỳ *θ* nhỏ thì *rd* dương nhưng nếu với chu kỳ *θ* đủ lớn thì *rd* sẽ âm thậm chí khi *r* nhỏ. Trường hợp *rd* âm được diễn giải rằng công nhân không hề bị bóc lột mà còn được hưởng lợi, nghĩa là quá trình tích lũy trình độ sản xuất cực kỳ quan trọng, có thể phá vỡ những quy tắc liên quan đến lao động vào bóc lột lao động, theo đó vẫn có khả năng một xã hội giàu có thịnh vượng mà không bóc lột lao động. Tuy nhiên vấn đề ở đây phụ thuộc vào hai giả định: 1) tham số trình độ sản xuất *θ* đại diện cho chu kỳ sản xuất mà đây là giả định hết sức đơn giản với hàm TNTĐSX hết sức đơn giản theo tỉ suất lợi nhuận, mà hơn nữa, chính bản thân hàm TNTĐSX cũng đại diện tham số trình độ sản xuất phức tạp hơn cả những giả định phức tạp của hàm TNTĐSX theo các phương pháp luận khác – công thức khác của hàm TNTĐSX, 2) chu kỳ sản xuất tức thời gian tích lũy vốn, tích lũy trình độ sản xuất phải đủ lâu.

Nhìn chung TNTĐSX có xu hướng ngày càng gia tăng vốn tức ngày càng gia tăng lượng của cải, buộc nhà tư bản phải đầu tư mua thêm phương tiện sản xuất và đặc biệt, phải thuê thêm nhân công khiến tăng cung thị trường lao động nên làm tăng tiền công. *Tiền công gia tăng* cũng kích thích người lao động sản xuất hiệu quả hơn, càng khiến gia tăng lượng của cải. Nói cách khác, gia tăng nhân công phải tương ứng gia tăng tiền công mà mức bóc lột càng ít thì tiền công càng hợp lý trên thị trường lao động, nhưng đến lúc nào đó số lượng nhân công cố định với trình độ sản xuất của công nhân đã tới hạn không thể đáp ứng lượng của cải sự sinh sôi nảy nở vốn không thể dừng như cỗ xe tam mã, lúc đó nhân công phải được gia tăng bằng sinh sản tự nhiên. Điều này hiển nhiên và hơn nữa hợp lý vì công nhân có đủ điều kiện sống với tiền công hợp lý sẽ kết hôn, lập gia đình, sinh con đẻ cái để gia tăng lượng nhân công theo sinh sản tự nhiên; lúc này bản chất tự nhiên về sinh sôi nảy nở của nền kinh tế tương hợp bản chất tự nhiên về sinh sản giới tính của loài người. Rốt cuộc, dân số trong độ tuổi lao động cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, trong đó hoạt động *phúc lợi* chăm lo đời sống người dân biến sự hao tổn cần thiết để bồi đắp trở lại sức lao động. Do đó dân số già là một gánh nặng kinh khủng đối với sự phát triển kinh tế mà hoạt động phúc lợi không thể dừng như cỗ xe vì một bản chất tự nhiên của tính nhân đạo lại tiêu tan trong hư vô, không thể phục hồi trở lại bằng sức lao động, cộng hưởng với thiếu nhân công sản xuất khiến vấn đề suy yếu kinh tế trầm trọng hơn; đây là sự lão hóa nền kinh tế. Cỗ xe kinh tế tăng tốc phi mã bằng sinh sôi nảy nở qua TNTĐSX thì cũng sẽ giảm tốc phi mã bởi lão hóa dân số nếu không có biện pháp làm chậm lão hóa hoặc “tái sinh”. Ngoài ra, cỗ xe tam mã này (đầu tư trong & ngoài nước bởi tư nhân & chính phủ, xuất khẩu, tiêu dùng) có thể tăng tốc hay giảm tốc vì một yếu tố ngẫu nhiên nào đó, nếu được phân tích tổng quát hơn thì trình độ sản xuất giữa các quốc gia qua nhiều thời đại còn có thể bị chi phối bởi ngẫu nhiên hình thành những trung tâm quyền lực nhấp nhô nhiều nơi như nhiều đợt sóng mà chỉ có thể mường tượng bằng hiệu ứng cánh bướm mà thậm chí hiệu ứng cánh bướm cũng gặp phải những phản biện. Bất luận thế nào hàm phi tuyến TNTĐSX là quy luật của lợi nhuận – tạm thời ta chấp nhận như vậy.

Bây giờ ta trở lại vấn đề bóc lột lao động – một vấn đề không hề đơn giản. Như đã biết bóc lột là một biến của hàm phi tuyến thế năng trình độ sản xuất (TNTĐSX) nhưng trong một trường hợp thì sự bóc lột này gần như hư vô theo cách mà lợi nhuận không chảy vào túi nhà tư bản. Trường hợp này xảy ra khi một nguồn lực xã hội tất nhiên cụ thể hóa bằng vốn được phân bổ cho các tổ chức, đặc biệt là các tổ chức nghiên cứu, tạo ra hàng hóa sản phẩm như phát minh sáng chế, làm sinh sôi nảy nở lợi nhuận như sở hữu trí tuệ nhưng được áp dụng rộng rãi. Vấn đề là cơ năng phân bổ nguồn lực không thuộc nhà tư bản mà nó do nhà nước chủ trì hoặc do sự tụ họp bất định nào đó của xã hội. Sự bóc lột vẫn tồn tại do lợi nhuận sản sinh nhưng lợi nhuận tản mát nên khiến nó không còn ý nghĩa tiêu cực bóc lột mặc dù chênh lệch TNTĐSX vẫn xảy ra. Lưu ý, nếu xem hoạt động thuần túy của chính phủ như hoạt động công ty thì hàng hóa sản phẩm là dịch vụ nhưng đồng thời hoạt động “công ty” chính phủ cũng có tác dụng bôi trơn thuần túy như hoạt động tài chính, duy lợi nhuận thuần túy từ “công ty” chính phủ là phúc lợi. Nếu lượng thỏa mãn là thước đo cuối cùng của giá trị trao đổi thì phúc lợi hẳn nhiên thể hiện giàu có – một sự giàu có viên mãn, thậm chí trong trường hợp ánh xạ “giá trị trao đổi → lượng lao động” chi phối thì phúc lợi cũng hết sức quan trọng với vai trò hồi phục sức lao động công nhân – hồi phục sức lao động xã hội. Ngay trong trường hợp phổ biến, sự bóc lột của nhà tư bản không tệ hại như ta nghĩ mà đó là tất yếu, là động lực phát triển như lạm phát nếu không diễn biến thô lậu. Ngay trong cách nhìn tiêu cực, sự bóc lột thô lậu của nhà tư bản cũng tất yếu vì đơn giản đó là khởi đầu của chọn lọc tự nhiên hoặc như được suy ra từ phát biểu của Adam Smith “kinh nghiệm cho thấy luật pháp không bao giờ có thể điều chỉnh đúng được tiền lương mặc dù luật pháp muốn thế” (Smith, 1776, p. 78), tất cả đều do lòng tham cùng sự phối hợp giữa lượng lao động và lượng thỏa mãn tạo nên quy luật cung cầu. Lưu ý, lòng tham là động lực quan trọng phát triển kinh tế tương ứng thuộc tính sinh sôi nảy nở của nền kinh tế nên *sinh sôi nảy nở là bản chất tự nhiên của nền kinh tế* hay thị trường. Nếu cỗ xe kinh tế không thể dừng với thuộc tính sinh sôi nảy nở (SSNN) thì giải thích như thế nào hiện tượng tiêu cực dư thừa công suất làm trì trệ nền kinh tế mà tại sao thuộc tính SSNN lại dẫn đến dư thừa công suất nếu nó là thuộc tính tích cực? Tất nhiên ta có thể giải thích bằng hiệu ứng lề của bất kỳ quy trình quá mức nào nhưng dư thừa công suất chủ yếu do chưa chuyển hóa kịp và mở rộng nhu cầu xã hội. Thuộc tính SSNN cũng làm gia tăng mức sống, mở rộng nhu cầu xã hội mà lòng tham và lượng thỏa mãn của loài người gần như vô hạn theo thỏa mãn tinh thần, do đó một khi nhu cầu xã hội chưa kịp mở rộng sang địa hạt tinh thần để sản phẩm tinh thần đuổi theo từ sự thăng hoa của sản phẩm vật chất thì lượng sản phẩm vật chất còn lại trở thành dư thừa – dư thừa công suất.

Vấn đề còn lại liên quan đến tiền công là mức sống – mức sống xã hội, theo Adam Smith, mức sống tức sự khác biệt về cách sinh hoạt là hệ quả chứ không phải nguyên nhân của tiền công, do đó có thể tạm hiểu mức sống là tổng chi tiêu trung bình cho nhu yếu phẩm của người lao động, hẳn nhiên tỉ lệ thuận với tiền công, phản ánh thu nhập bình quân đầu người nhưng không hẳn là thu nhập bình quân đầu người. Khi một xã hội giàu có với trình độ sản xuất cao, tuy có thể không có nhiều tỉ phú, hoặc có những bộ phận dân chúng không hăng say sản xuất (nên không có thu nhập cao) nhưng mọi người vẫn có mức sống cao vì mức sống còn gồm thâu phúc lợi và dịch vụ nên trình độ sản xuất không tuân theo nghiêm ngặt *nỗ lực sản xuất* và nỗ lực sản xuất là sự tập trung cao độ vào quá trình sản xuất nhưng nỗ lực sản xuất tương ứng nhưng không đồng nhất năng lực sản xuất. Vấn đề mức sống giằng lại tự do kinh tế vì tự do kinh tế hàm ý chọn lọc tự nhiên – cỗ xe tam mã thế năng trình độ sản xuất (TNTĐSX) không thể dừng hoạt động sinh sôi nảy nở cũng như vai trò của lượng thỏa mãn. Không hăng say sản xuất đối nghịch ánh xạ “giá trị trao đổi → lượng lao động” nhưng có thể phù hợp ánh xạ “giá trị trao đổi → lượng thỏa mãn” – sinh thể có bản năng lười biếng để chống lão hóa tức chống ôxy hóa nhưng nỗ lực sản xuất khiến tiến trình lão hóa nền kinh tế diễn ra nhanh hơn. Ngoài ra, nguyên lý tự do, nguyên lý cạnh tranh [quy luật cung cầu] và nguyên lý chọn lọc tự nhiên phối hợp với nhau trong nguyên lý bàn tay vô hình làm nên bản chất tự nhiên của kinh tế tư nhân (mọi người đều có động lực mưu cầu lợi ích cá nhân) để đối trọng với xã hội (quần thể) cũng mưu cầu lợi ích xã hội vì tất cả đều là sinh thể. Adam Smith còn tóm lược nguyên lý bàn tay vô hình bằng nhận xét hết sức đơn giản “người thợ độc lập [làm việc hăng say] hơn hẳn người thợ thuê mướn” (Smith, 1776, p. 82) – bản chất tự nhiên của kinh tế tư nhân. Nhắc lại, mức sống tức trung bình giá cả của nhu yếu phẩm tương ứng với tiền công nên tiền công trong giá cả thị trường được điều chỉnh bởi hai yếu tố (Smith, 1776, p. 83): 1) nhu cầu lao động trên thị trường lao động theo quy luật cung cầu, và 2) giá cả thị trường của nhu yếu phẩm bao gồm lương thực và các mặt hàng thiết yếu & tiện nghi; suy ra rằng tiền công tăng làm tăng giá các mặt hàng nên làm giảm nhu cầu tiêu thụ tức giảm lượng của cải sản xuất, nhưng đồng thời, như ta biết, tiền công tăng cực kỳ quan trọng để tăng năng suất làm gia tăng lượng của cải. Do đó tiền công trên căn bản nếu gia tăng sẽ làm quốc gia xã hội giàu có nhưng đồng thời cũng điều phối trở lại lượng cung ứng của cải, thế nên gia tăng tiền công có tính tích cực nổi trội và thu nhập bình quân đầu người là chỉ dấu quan trọng nhất cho sự phát triển và giàu có của quốc gia. Theo phân tích của Adam Smith (Smith, 1776, p. 84), giá cả lương thực ổn định hơn tiền công, suy ra rằng an ninh lương thực có vai trò quan trọng và không quá khó để đạt được an ninh lương thực nếu chú tâm. Cũng theo phân tích của Adam Smith, tiền công giảm vào những năm đắt đỏ và người chủ thuê mướn lao động thường lợi dụng điều này nhưng trên thực tế lượng của cải sụt giảm vào những năm đắt đỏ (Smith, 1776, p. 82). Do đó tiền công sẽ tăng vào những năm phồn thịnh vì nhà tư bản cần đầu tư nhiều hơn để tăng năng suất như ta đã phân tích, hơn nữa, phồn thịnh không có nghĩa đắt đỏ nhưng khan hiếm luôn đi đôi đắt đỏ vì sự đắt đỏ không hẳn phụ thuộc vào giá tiền mà phụ thuộc vào tỉ lệ giữa giá tiền và mức sống tức tỉ lệ giữa giá cả hàng hóa và giá cả nhu yếu phẩm. Phồn thịnh có thể làm tăng giá cả, đặc biệt xuất hiện xa xỉ phẩm (nhưng) là dấu hiệu tích cực của nền kinh tế phong phú. Bất luận thế nào với xu hướng nổi trội, tiền công cao tỉ lệ thuận mức sống cao, tỉ lệ thuận lượng của cải được sinh sôi nảy nở, tương ứng với nền kinh tế *đa dạng* & phong phú.

Nhắc lại, Adam Smith tập trung vào ba thành tố cơ bản của giá cả tự nhiên: tiền công cho người lao động, tiền thuê đất cho chủ đất và lợi nhuận cho nhà đầu tư. **Lợi nhuận** thực chất có được từ chênh lệch trình độ sản xuất tức thế năng trình độ sản xuất (TNTĐSX) theo hàm phi tuyến tích lũy của vốn và bóc lột. Vì vậy, tích lũy vốn tức tích lũy tư bản diễn ra với tốc độ phi mã do tăng phi tuyến lợi nhuận. Bây giờ ta sẽ nghiên cứu kỹ hơn về lợi nhuận. Lợi nhuận trên căn bản tăng theo lượng vốn nhưng Adam Smith còn phân tích rằng lợi nhuận còn bị chi phối bởi nhiều yếu tố như giá cả hàng hóa trên thị trường, những rủi ro trong vận tải hàng hóa & cạnh tranh, thậm chi khi vốn tăng hẳn nhiên làm tăng lợi nhuận nhưng vốn tăng sẽ dẫn đến tiền công tăng gián tiếp làm giảm lợi nhuận cho nhà tư bản đồng thời vốn tăng cũng khiến các nhà tư bản cạnh tranh nhau gián tiếp làm giảm lợi nhuận. Do đó nguyên lý bàn tay vô hình gây ra và phụ thuộc vào nhiều yếu tố với những tương tác đa chiều mà các lý thuyết kinh tế chỉ có thể tập trung giới hạn vào một số yếu tố để lý giải quan điểm riêng, phụ thuộc vào cách nhìn và phục vụ cho những mục đích cụ thể trong những giai đoạn cụ thể mà ta sẽ biết tiến trình phát triển xã hội tổng quát gồm luôn kinh tế phát triển theo xu hướng tương hỗ phân kỳ & hội tụ mà trong đó xảy ra trường hợp rằng một luận điểm nào đó vốn đã lỗi thời nay lại “tái sinh” theo ngữ nghĩa nào đó trở nên phù hợp và cấp thiết, điều này không khác bao nhiêu mô hình biện chứng của Hegel. Chính vì khó xác định cụ thể lợi nhuận trong tương tác đa chiều nên Adam Smith mới đề cập đến kỹ thuật nắm bắt gián tiếp lợi nhuận theo phương thức “đuổi hình bắt bóng” tức xác định tỉ suất lợi nhuận qua lãi suất (tín dụng, cho vay) của ngân hàng trung ương (Smith, 1776, p. 85), với lưu ý, *tỉ suất lợi nhuận* (ROI – return on investment) là tỉ lệ (tỉ số) giữa lợi nhuận trên vốn và *lãi suất* (interest rate) là tỉ lệ giữa tiền lãi trên vốn cho vay. Nói cách khác, tồn tại một song ánh từ tỉ suất lợi nhuận đến lãi suất vì tiền lãi là phần lợi nhuận được trích từ tổng lợi nhuận của người vay trả cho người cho vay, và khi lãi suất được cố định bởi “người cho vay” ngân hàng trung ương thì khả năng cảm nhận được tổng lợi nhuận của nền kinh tế sẽ rõ ràng hơn vì lãi suất sẽ như chặn dưới của tỉ suất lợi nhuận trung bình, ví dụ, khi tỉ suất lợi nhuận trung bình & tốt của hoạt động sản xuất là 10% thì *lãi suất tín dụng* (credit interest rate) của ngân hàng thường là 5%. Khi trình độ sản xuất tức nền sản xuất của một quốc gia tăng trưởng mạnh sẽ xảy ra hai trường hợp gần như đồng thời: 1) chuyển dịch sản xuất sang quốc gia khác để giảm tiền công tăng lợi nhuận, và 2) vốn tức tư bản sẽ cho các quốc gia khác vay. Hoạt động tín dụng (cho vay) xuyên quốc gia mới đúng là hoạt động tài chính thuần túy mà giá cả tự nhiên chỉ có lợi nhuận thể hiện đặc sắc của thế năng trình độ sản xuất mặc dù hoạt động chuyển dịch sản xuất tức di chuyển nhà máy sản xuất sang quốc gia khác cũng phán ánh thế năng trình độ sản xuất. Theo Adam Smith, lợi nhuận giảm có thể là hiệu ứng tự nhiên của sự phồn vinh (Smith, 1776, p. 87), hoặc giả bằng chứng của một lượng tiền vốn lớn được đổ vào thị trường khi các nhà tư bản cạnh tranh nhau nội tại làm giảm lợi nhuận (Smith, 1776, p. 87), điều này càng khẳng định tính tất yếu của hoạt động chuyển dịch sản xuất khi trình độ sản xuất nội tại đã bùng nổ, ngược lại nếu chỉ tích lũy tài chính (kim loại quý) thông qua thương mại thì đến tận bây giờ (2025) luận điểm này vẫn chưa được điều chỉnh hoặc phát triển trở lại, ít nhất theo cách hiểu và sự tìm hiểu của tôi. Một số nền kinh tế tập trung phát triển cực độ thương mại và tài chính để phát triển nhanh, điều này không hẳn sai sót vì vốn cũng là trình độ sản xuất và vốn có thể mua được bất cứ hàng hóa nào và đó cũng không phải quá tập trung tích trữ ngoại hối, và không nhất thiết năng lực sản xuất mới phản ánh trình độ sản xuất, nhưng sẽ gặp tới hạn hoặc giả phải biến chuyển để cân bằng vì sự thiếu hụt nào đó về trình độ sản xuất phải được bù đắp bằng năng lực sản xuất trong một chiến lược quốc gia tổng thể. Một số nền kinh tế nghiêng về dịch vụ mà ta đã biết rằng dịch vụ là hoạt động sản xuất, hơn nữa trọng tâm dịch vụ sẽ khiến ngành năng lượng ở mức vừa đủ giảm nhẹ đi sức ép nhu cầu năng lượng mà năng lượng hơn nữa quá ư cần thiết, và giúp hạn chế luôn ô nhiễm môi trường ở một số ngành công nghiệp khái thác và chế tạo, nhưng trọng tâm dịch vụ ngay cả kết hợp sản xuất hàng tiêu dùng cũng một mặt hạn chế tính đa dạng của nền kinh tế và một mặt khiến ta xao lãng sự tuyệt diệu của công nghệ cao trong tăng trưởng vượt bậc.

Sau khi tìm hiểu lãi suất ta quay trở lại lợi nhuận – một thành tố quan trọng của giá cả tự nhiên với lưu ý rằng *tổng số lợi nhuận* và *tỉ suất lợi nhuận* đều là thông số quan trọng của lợi nhuận. Muốn vượt qua bẫy thu nhập trung bình ta phải cố gắng gia tăng *thu nhập bình quân đầu người* tức tổng sản phẩm bình quân đầu người (PCI – per capita income, GDP per capita), không có cách nào khác ngoài nâng cao vượt mức trình độ sản xuất nhưng tập trung vào tổng số lợi nhuận nhưng tỉ suất lợi nhuận cũng có vai trò quan trọng để điều phối và đa dạng hóa nền kinh tế vì rằng thu nhập bình quân đầu người (PCI) được tính bằng tổng sản phẩm quốc nội tức *tổng thu nhập quốc nội* (GDP – gross domestic product – tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong một quốc gia) chia cho tổng số dân. Ghi chú, GDP tính theo phương pháp sản xuất bằng tổng giá trị của hàng hóa và dịch vụ của sản xuất, trừ đi chi phí trung gian trong quá trình sản xuất, cộng với thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (Google 2025); GDP tính theo phương pháp thu nhập bằng tổng của thu nhập tiền lương của người lao động, lợi nhuận của doanh nghiệp & tiền lãi từ các khoản cho vay, tiền thuê & thuế (Google 2025); trong khi đó, GDP tính theo phương pháp chi tiêu bằng tổng của chi tiêu của các hộ gia đình, chi tiêu của doanh nghiệp cho đầu tư, chi tiêu của chính phủ, và xuất khẩu ròng tức chênh lệch giữa xuất khẩu và nhập khẩu (Google 2025). GDP tạm thời là độ đo lượng của cải của nền kinh tế với lưu ý, vốn đơn thuần không được tính vào GDP vì vốn phải chuyển hóa thành của cải như tài sản và hàng hóa như đốt nhiên liệu thành năng lượng. Cỗ xe kinh tế tam mã gồm đầu tư trong & ngoài nước bởi tư nhân & chính phủ, xuất khẩu, tiêu dùng; trong đó tiêu dùng quan trọng như đầu tư & xuất khẩu và đầu tư chính phủ cũng có thể hiểu như chi tiêu chính phủ ràng buộc bởi chính sách tài khóa nhưng chi tiêu hộ gia đình linh hoạt hơn phụ thuộc chủ yếu vào nhu cầu & sở thích. Do đó rắc rối của đầu tư & xuất khẩu sẽ được điều tiết bằng cách tạo cơ chế pháp lý, mở rộng kênh tiêu dùng cá nhân, ngoài khuyến khích tiêu dùng sản phẩm nội địa cần có những kênh khác như khuyến khích gởi tiết kiệm không kỳ hạn, khuyến khích thị trường chứng khoán & trái phiếu, cũng như đồng thời trấn áp hàng giả, nhái, lậu hiếm khi đạt đến tới hạn. Nếu ánh xạ “giá trị trao đổi → lượng trao đổi” nổi trội thì GDP chi phối, ngược lại, nếu ánh xạ “giá trị trao đổi → lượng thỏa mãn” nổi trội thì PCI chi phối, tuy nhiên sức mạnh cứng của quốc gia vẫn là GDP. Với nhận xét của Adam Smith rằng “tiền công thấp ở nông thôn tăng tỉ suất lợi nhuận” (Smith, 1776, p. 86), ta hãy càng chú ý vào giá trị của phân công lao động giữa thành thị và nông thôn, nêu bật vai trò của nông nghiệp bên cạnh chức năng nông nghiệp giảm nghèo đói thu hẹp khoảng cách thành thị và nông thôn. Trong một nền kinh tế tối ưu riêng về hoạt động sản xuất, người dân làm việc gần/tại nơi cư trú và hoạt động sản xuất kinh doanh đặc biệt với những doanh nghiệp nhỏ & vừa cũng không cần dời đi xa trừ phi đó là doanh nghiệp lớn phải thực hiện chuyển dịch địa lý để tăng lợi nhuận, trên cơ sở đó mạng lưới bán lẻ và logistic mới phát triển, sau này mới có kinh doanh trực tuyến & internet với thương mại điện tử. Mức sống nông thôn thấp hơn thành thị nên tỉ suất lợi nhuận cao ở nông thôn có ý nghĩa quan trọng, hơn nữa, cần nhiều vốn để kinh doanh ở thành thị, một phần vì tiền công cao (Smith, 1776, p. 86), một phần vì tính chất lao động thành thị phức tạp nên vai trò kinh tế nông thôn quan trọng hơn ta nghĩ mặc dù lợi nhuận trên số lượng của kinh doanh ở thành thị cao hơn ở nông thôn. Tất nhiên hệ thống kinh tế tư nhân đa dạng & phân tán tiềm tàng gây tổn hại nghiêm trọng môi trường tự nhiên nên cần phải có chế tài. Lưu ý, hoạt động khai thác tài nguyên không khác nhiều nông nghiệp về bản chất, hoạt động nông nghiệp có chế biến không rời xa công nghiệp về bản chất, nên một lần nữa cần nhấn mạnh tầm quan trọng của tỉ suất lợi nhuận. Khi tự nhiên góp mặt trực tiếp vào hoạt động nông nghiệp & khai thác tài nguyên thì trình độ sản xuất cũng cộng hưởng và/hoặc dần thay thế tính trực tiếp của tự nhiên, do đó, trình độ sản xuất quyết định mức độ thành công của tất cả các ngành kể cả nông nghiệp & khai thác tài nguyên. Sự thay thế này hoán chuyển nền kinh tế từ thiên nhiên vào trong tư duy con người mà vẫn bảo tồn bản chất tự nhiên của hoạt động kinh tế như trao đổi chất, sinh sôi nảy nở…

Tỉ suất lợi nhuận tăng tốc tốc độ tích lũy tư bản nên nếu muốn tích lũy tư bản càng nhanh thì ngoài tăng mức độ bóc lột lao động trong công nghiệp chỉ còn cách gia tăng tối đa lợi thế cạnh tranh bằng bí quyết công nghệ mà chính khoa học công nghệ mới vượt mức giới hạn trình độ sản xuất, đi trước một bước thỏa mãn nhu cầu còn hơn cả sự xuất hiện của xa xỉ phẩm – một chỉ dấu của nền kinh tế phát triển phong phú đối nghịch với cái có vẻ tương tự nhưng thực chất tai hại – sự găm hàng đẩy giá quá mức giá trị vốn có, sự khan hiếm giả tạo thổi phồng ảo tưởng lượng thỏa mãn và ngược lại. Vì vậy giá cả tự nhiên của sản phẩm công nghệ cao hoặc xa xỉ phẩm quy về giá tiền, đúng với bản chất quy ước của tiền tệ, đó là sự quy ước mang đến lợi nhuận to lớn như là một sự giảm nhẹ của bóc lột lao động. Nếu tỉ suất lợi nhuận tăng cao không do bóc lột, cũng không do bí quyết công nghệ – trình độ sản xuất thì cũng gây bất ổn tiềm tàng cho nền kinh tế, về lâu dài sẽ nới rộng khoảng cách giàu nghèo gây ra bất công xã hội. Ta thường chú ý tầm quan trọng của tỉ suất lợi nhuận nhưng trong trường hợp vốn lớn tỉ suất lợi nhuận thấp vẫn sinh lợi nhuận nhiều hơn vốn ít dù với tỉ suất lợi nhuận cao (Smith, 1776, p. 88), đây liên hệ tầm quan trọng của xã hội chăm chỉ cần cù lao động và quá trình tích lũy vốn của nhà tư bản. Do đó còn nhiều phương án tăng lợi nhuận, tăng lượng của cải như nâng cao thế năng trình độ sản xuất, khuyến khích xã hội chăm chỉ lao động, tích lũy tư bản trong nước và vay vốn nước ngoài, nên không nhất thiết phải tăng tỉ suất lợi nhuận bằng mọi giá vì một lẽ tổng hòa nhiều yếu tố như vừa đề cập, một lẽ phát triển bền vững và một lẽ quan trọng khác rằng ảo ảnh lợi nhuận “khủng” được thổi bởi hai kẻ khủng bố mang tên “lạm phát” và “thất nghiệp” và người đọc cũng biết thất nghiệp nghiêm trọng như thế nào khi đào thêm hố sâu giữa khoảng cách giàu nghèo. Như ta đã biết một nền kinh tế phải đa dạng có ý nghĩa nhiều hơn cả việc không bỏ trứng vào trong cùng một rổ vì nhu cầu trao đổi – động năng của tự do kinh tế nhưng Adam Smith cũng chỉ ra rằng lượng vốn của một quốc gia không thể trải đều mọi ngành mà phải tập trung vào những ngành mang lại nhiều lợi nhuận (Smith, 1776, p. 88), ngoài ra nếu lượng vốn dành cho một ngành bị giảm khiến thu hẹp ngành và giảm tiền công nhưng những nhà tư bản nếu trụ được trong ngành hẹp đó có thể đạt tỉ suất lợi nhuận cao vì tiền công giảm và hàng khan hiếm. Vậy rốt cuộc như thế nào? Rốt cuộc là thuộc tính đa dạng của nền kinh tế vẫn chi phối, và tính đa dạng này phụ thuộc vào đặc trưng thị trường cùng quan hệ cung cầu khiến lượng vốn phân bổ hợp lý hơn chứ không phải đều hơn. Nói cách khác, *điều phối vốn* phải đúng ngành và đúng thời điểm. Do đó một ý tưởng đơn giản nhưng hiệu quả rằng cởi trói kinh tế tư nhân khuyến khích mọi người kinh doanh bất kể nhỏ lẻ đều tốt mà xu hướng của kinh doanh cá thể, hộ gia đình thường tập trung vào thương mại & dịch vụ, để từ đó chính phủ tăng thu ngân sách từ thuế cho chi thường xuyên. Mặt khác chính phủ cần thoái vốn những ngành công nghiệp có đủ điều kiện cổ phần hóa để tập trung vốn vào hai vấn đề: 1) đầu tư trọng điểm phúc lợi & cơ sở hạ tầng, 2) tập trung & phân bổ vốn theo cơ năng chủ đạo hay phối hợp chủ thể vào những ngành nâng cao vượt mức trình độ sản xuất – trọng điểm của năng lực sản xuất của quốc gia. Lưu ý, nguồn thuế từ những tập đoàn công nghiệp cổ phần hóa rất lớn nếu hoạt động hiệu quả mà không cần vướng mắc quản lý, để tái tập trung vốn vào hai vấn đề trên. Ngoài ra, hình thức nộp lợi nhuận sau thuế vào ngân sách nhà nước bằng cách chia cổ tức sau khi cổ phần hóa có cổ phần nhà nước hiệu quả hơn hình thức nộp 100% lợi nhuận hoặc bù lỗ (nếu có) sau khi trích quỹ của tập đoàn hoàn toàn vốn nhà nước; do đó hình thức thoái vốn, thoái vốn hoàn toàn hay bao nhiêu phần trăm, quy mô trọng điểm của từng ngành như thế nào là cả một vấn đề cần suy tính kỹ lưỡng. Ghi chú: cổ phần hóa là hình thức đầu tư, không phải kiểm soát, không khác bao nhiêu hoạt động tài chính cho vay lấy lãi, nếu theo quan điểm này thì tỉ lệ góp vốn không quan trọng và quốc hội còn có bộ phận giám sát vốn. Vấn đề thứ hai – tập trung & phân bổ vốn vào những ngành nâng cao vượt mức trình độ sản xuất, sẽ gặp rủi ro mà lực lượng kinh tế tư nhân khó mà đảm nhiệm hoàn toàn nên một số lỗ hổng trong tự do kinh tế phải được lấp đầy bởi thành phần kinh tế nhà nước mà ta đành phải tạm thời lý luận rằng hoạt động kinh doanh của kinh tế nhà nước gần như thao tác hành chính “sản xuất” sản phẩm dịch vụ “phân bổ nguồn lực”. Do đó, có thể suy ra rằng hoạt động thiết kế và nghiên cứu ngày càng quan trọng trong nền kinh tế tri thức. Thiết kế & nghiên cứu là hoạt động khoa học, sản xuất, hành chính (dịch vụ), hay bao hàm tất cả? Bất luận thế nào, tôi nghĩ rằng tự do hóa hoạt động kinh doanh hộ cá thể trong thương mại và dịch vụ là một cách phân tán rủi ro hiệu quả khi đầu tư công nghệ cao. Hơn nữa kinh doanh hộ cá thể ngoài thương mại & dịch vụ còn liên quan đến sản xuất hàng tiêu dùng, thực phẩm và cả nông nghiệp, mà trên quy mô toàn dân số, không hề nhỏ lẻ.

Nhắc lại, từ nguyên lý bàn tay vô hình, chủ nghĩa tự do kinh tế được tóm lược một cách hệ thống bởi bốn nguyên tắc chính sau (Gemini 2025): 1) thị trường tự do, 2) sở hữu tư nhân, 3) chính phủ ít can thiệp thị trường, 4) thương mại tự do. Sau đây là một số nhận xét của Adam Smith liên quan mật thiết đến nguyên tắc thị trường tự do và thương mại tự do (Smith, 1776, p. 89): 1) quốc gia có đủ tài nguyên thiên nhiên nhưng nền kinh tế chững lại thì tiền công và lợi nhuận vốn sẽ thấp, điều này liên quan đến bản chất tự nhiên sinh sôi nảy nở của nền kinh tế mà sự “để mặc” thị trường sinh sôi nảy nở phản ánh nguyên tắc thị trường tự do, 2) dân số đông khiến cạnh tranh trên thị trường lao động và vốn dàn trải mọi ngành cũng khiến cạnh tranh giữa các ngành kinh tế càng gay gắt, điều này chưa hẳn đối nghịch nhưng không tương hợp với bất lợi của dân số già vì dân số đông tuy cũng gây áp lực an sinh xã hội nhưng sẽ có nhiều người trong độ tuổi lao động, do đó ta cần nghiên cứu kỹ hơn về khả năng can thiệp thị trường của chính phủ với cảm nhận ban đầu rằng chủ nghĩa tự do kinh tế vẫn tồn tại nhược điểm, 3) theo kinh nghiệm của Adam Smith thì sự bóc lột người nghèo, không bảo đảm điều kiện kinh doanh cho người vốn ít, và độc quyền của người giàu dẫn đến vốn không được sử dụng hiệu quả, hẳn nhiên những bất lợi này bao gồm tham nhũng & lãng phí, không quá khó để tìm hiểu nhưng cũng gợi ý về sự can thiệp của nhà nước vào thị trường tự do mà ta vừa đề cập, 4) nền kinh tế chững lại còn do thương mại quốc tế bị hạn chế. Bất luận thế nào, bế quan tỏa cảng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho nền kinh tế, thậm chí với nền kinh tế có thị trường lớn với khả năng tự cung tự cấp cũng dần thẩm thấu thiệt hại về lâu dài vì tiến trình trao đổi chất có thể thu nhỏ quy mô nội tại để đáp ứng tạm thời nhu cầu hoặc trong tình huống đối phó, thậm chí có thể kích thích năng lực sáng tạo nhưng sự thiếu hàng hóa/nhu cầu song hành sự thừa hàng hóa/nhu cầu vì không một quốc gia nào có đủ mọi thế mạnh sẽ tích tụ lâu ngày cộng hưởng lạm dụng/cạnh tranh nội địa giữa các địa phương sẽ khiến thị trường tự suy yếu – quy mô thị trường bị thu hẹp. Tiến trình trao đổi chất trong cơ thể con người lý giải điều này rõ nhất. Thế năng trình độ sản xuất giữa các địa phương cùng một quốc gia không có nhiều ý nghĩa, bóc lột lao động giữa các địa phương lại càng nguy hại. *Sự chuyển dịch nguồn nhân lực giữa các địa phương là hình thức bóc lột lao động tinh vi*, sức ép an sinh xã hội và thâm dụng môi trường tài nguyên lên dân số đông khiến ta xao lãng tầm quan trọng của nhân lực nên cũng thật lãng phí và tai hại khi có nguồn nhân lực dồi dào mà chưa được đào tạo tay nghề. Chương trình huấn luyện quân sự phổ dụng dần loại bỏ rèn luyện võ nghệ chiến đấu cá nhân mà tập trung vào kỹ năng sử dụng vũ khí cùng chiến thuật tác chiến, đào tạo nghề cũng tương tự như thế, không những hiệu quả mà còn nhanh. Hoạt động cho vay lấy lãi là hoạt động tài chính thuộc thị trường nên nguyên tắc thị trường tự do cũng lý giải nhận xét của Adam Smith (Smith, 1776, p. 90): 1) luật pháp không thể nâng lãi suất một cách bất thường vì người cho vay cũng như người vay bị lãi suất chi phối hai chiều “lợi ích người vay & cho vay, nhu cầu người vay & cho vay” trên thị trường – đó chính là quy luật cung cầu, 2) luật pháp không thể ngăn cấm việc cho vay lấy lãi vì lãi suất cao có thể do sự chi phối hai chiều trên, ví dụ với một biến tướng rằng người cho vay có xu hướng lấy lãi nặng để bù trường hợp người vay không trả được nợ (Smith, 1776, p. 90).

Lợi nhuận ròng là lợi nhuận trừ khấu hao & thuế và tiền lãi được tính trên lợi nhuận ròng (Smith, 1776, p. 90) nên lãi suất mà ta hay đề cập là lãi suất ròng được tính bằng tỉ lệ giữa tiền lãi trên lợi nhuận ròng. Lãi suất ròng thường thấp, ví dụ ở mức 5% nhưng tính trên nhu cầu vay & cho vay và bôi trơn cỗ máy kinh tế thì lãi suất ròng không thể nào cao nói chi đến quá cao, phải giữ ở mức vừa đủ để tránh làm mất giá đồng tiền đồng thời để giữ lạm phát vừa đủ. *Lãi suất huy động* (deposit interest rate) như gởi tiết kiệm tỉ lệ nhưng thấp hơn lãi suất cho vay nên lãi suất cho vay không cao khiến lãi suất huy động càng không cao khiến người dân khó mà sống dựa vào tiền gởi tiết kiệm nhưng đồng thời lại kích thích họ sản suất & kinh doanh. Sự đòi hỏi ép lạm phát không thể quá cao gây nguy hại nền kinh tế & bất ổn xã hội khiến lãi suất không thể quá thấp bởi vì kích thích xuất khẩu, một cách ánh xạ máy móc khiến tỉ suất lợi nhuận không được quá cao nhưng trên thực tế, tỉ suất lợi nhuận càng cao càng khiến lượng của cải được sinh sôi nảy nở, do đó nghịch biến này có xu hướng làm trầm trọng vấn đề bóc lột lao động giảm tiền công nhưng tăng sản xuất – một vấn đề không thể tránh khỏi. Còn các phương án khác như ta đã biết rằng lợi nhuận nhiều có thể đến từ vốn lớn không nhất thiết phải có tỉ suất lợi nhuận quá cao, ngoài nâng cao thế năng trình độ sản xuất thì vay vốn nước ngoài là điều cần thiết đến mức không thể tránh khỏi với lưu ý, bản thân vốn không khác trình độ sản xuất. Ánh xạ “lãi suất → tỉ suất lợi nhuận” có mức dao động cực lớn – một chút chênh lệch lãi suất tín dụng ngân hàng trung ương cũng gây ảnh hưởng to lớn đến thị trường nên trọng tâm của nền kinh tế là tăng lợi nhuận tức tăng lượng của cải. Do đó lực hút tăng trưởng tức tỉ lệ lợi nhuận tại một địa phương trong cùng quốc gia quá lớn không phải dấu hiệu tốt mà việc điều chỉnh nó chẳng hề dễ dàng vì chỉ còn hai biện pháp giảm tỉ lệ lợi nhuận mà không cố ý giảm lợi nhuận do tầm quan trọng của cực tăng trưởng: 1) điều phối, san sẻ nguồn lực giữa các địa phương lân cận một cách hợp lý hơn, 2) tăng lợi nhuận ở địa phương khác bằng cách cố gắng tìm ra và/hoặc tận dụng thế mạnh hoặc khởi phát nhu cầu mới thậm chí từ ngoại tại, hoặc chí ít là sự chú tâm có thể tạo ra lợi ích dù nhỏ hoặc giả kháng cự lại lực hút như động thái căng dây đàn không khác gì hơn nắm bắt và tận dụng nguồn lực tại chỗ, tận dụng thế mạnh và hóa giải dần nhược điểm của cực tăng trưởng cũng như duy trì đặc tính tự do của thị trường tự do.

Adam Smith đề cập đến bất bình đẳng về thuận lợi và bất lợi trong chi trả tiền công và thu hoạch lợi nhuận bởi khách quan và chủ quan, khách quan do bản chất công việc và chủ quan do chính sách – vào thời đại của Adam Smith là chính sách tại châu Âu. Theo Adam Smith (Smith, 1776, pp. 93-97), sự bất bình đẳng về thu nhập tiền công tức tiền công biến động theo tỉ lệ thuận với năm yếu tố sau: 1) mức độ khó khăn và/hoặc vinh dự của công việc, 2) chi phí đào tạo tay nghề tức trình độ sản xuất, 3) mức độ ổn định theo thời gian của công việc, 4) mức độ tín nhiệm vào người thợ, và 5) khả năng thăng tiến của công việc, yếu tố này còn liên quan đến những tài năng đặc thù như tài năng của vận động viên thể thao, ca sĩ, vũ công. Độ khó của công việc còn chỉ mức độ rủi ro, độc hại, nguy hiểm của công việc. Tiền công là giá tiền tức giá cả tự nhiên mà người chủ trả cho người làm thuê khi người làm thuê bán một hàng hóa đặc biệt – đó là lao động không thể bị phân rã, vì vậy vui lòng phân biệt tiền công trung bình trong một ngành và lợi nhuận trung bình trong một ngành vì lợi nhuận ngành là lợi nhuận trung bình mà hàng hóa thuộc ngành kinh tế đó bán ra. Tiền công, tiền thuê đất, và lợi nhuận là ba thành tố chính của giá cả tự nhiên nên sự bất biến động trong tiền công ngành luôn ảnh hưởng đến lợi nhuận ngành nhưng lợi nhuận ngành đặc biệt liên quan đến yếu tố rủi ro (Smith, 1776, p. 100), những ngành kinh tế rủi ro cao loại trừ trường hợp phạm pháp sẽ có tỉ suất lợi nhuận cao vì sự khan hiếm, lượng thỏa mãn và quy luật cạnh tranh. Vốn ít có tỉ suất lợi nhuận cao có thể không sản sinh nhiều lợi nhuận như vốn lớn mà tỉ suất lợi nhuận thấp, các nhà tư bản vốn lớn sẽ giảm giá khi bán số lượng nhiều ra thị trường có thể dẫn đến tình trạng bán phá giá không những làm suy sụp thị trường của chính sản phẩm đó cũng như thị trường lao động mà còn gây ra tình trạng thất nghiệp vì tiền công buộc phải giảm đến mức thấp nhất. Adam Smith sớm đề cập tình trạng tích trữ và đầu cơ, thay đổi các ngành như chong chóng gây thiệt hại thị trường trên tổng thể do thổi giá và khan hiếm giả tạo nhưng chương trình đầu tư vốn vào công nghệ cao của chính phủ không khác bao nhiêu đầu cơ vì khi cần sẽ tập trung vào một số ngành trọng điểm, nếu thành công sẽ đẩy ra/bán ra cho tư nhân hoặc cổ phần hóa, rồi chuyển sang ngành khác có lợi hơn hoặc rủi ro hơn hoặc cần thiết hơn, để luôn giữ trình độ sản xuất xoay chuyển liên tục vươn lên từng mức như cánh quạt xoay của máy bay trực thăng.

Sự bất bình đẳng trong tiền công và lợi nhuận bởi khách quan là tự nhiên nên xảy ra cái đối trọng với nó là sự bình đẳng giữa các mặt thuận lợi và khó khăn trong cách sử dụng lao động (trả tiền công) và vốn (thu lợi nhuận). Theo Adam Smith, sự bình đẳng này tức sự ổn định về tiền công và lợi nhuận sẽ đạt được trong ba trường hợp sau (Smith, 1776, pp. 103-105): 1) sự bình đẳng xảy ra ở những việc làm ổn định và quen thuộc, đối lập với nó là những ngành/công việc mới đòi hỏi người chủ phải trả tiền công nhiều hơn cũng như có lợi nhuận nhiều hơn, sau một thời gian, ngành/công việc mới trở thành cũ thì mức giá sẽ giảm và bình ổn vì quy luật cạnh tranh và lượng thỏa mãn, điều này tương ứng với thế năng trình độ sản xuất, ngành/công việc mới phản ánh trình độ sản xuất cao hơn ngay tại một địa phương mà có thể bình thường tại địa phương khác, chưa kể đến phương pháp và kỹ thuật sáng tạo, 2) sự bình đẳng xuất hiện trong trạng thái bình thường / tự nhiên của thị trường và xã hội, tức không xảy ra với hiện tượng cực đoan như thị trường biến động lớn về giá cả và số lượng hàng hóa, tình trạng đầu cơ găm hàng, khủng hoảng tài chính, thiên tai, chiến tranh, 3) tiền công và lợi nhuận bình ổn với những công việc có tính chuyên môn cao, điều này nhấn mạnh tính chuyên nghiệp – rất khó để thay thế nhân công chuyên nghiệp với hoạt động sản xuất chuyên môn hóa cao nên tiền công trả cho họ phải ổn định, tương tự như thế với lợi nhuận đầu tư vào ngành đặc thù. Về tính chuyên môn hóa, như ta đã biết tự do xảy ra trong tâm tưởng từng người và hiển lộ trong sinh hoạt nên công việc của một người trong một xã hội chuyên môn hóa cao tức phân công lao động cao thực chất bị ràng buộc cực kỳ chặt chẽ trong một mạng nhện nhưng càng khiến họ có cảm giác tự do và thực sự tự do, nghịch lý này rất hợp lý vì nhu cầu thỏa mãn những nhu cầu là nhu cầu tối cao, không khác bao nhiêu sự tự do.

Nhắc lại, Adam Smith đề cập đến bất bình đẳng về thuận lợi và bất lợi trong chi trả tiền công và thu hoạch lợi nhuận bởi khách quan và chủ quan, khách quan do bản chất công việc và chủ quan do chính sách – vào thời đại của Adam Smith là chính sách tại châu Âu. Những bất bình đẳng về chính sách xoay quanh việc ảnh hưởng tiêu cực đến nguyên tắc thị trường tự do (Smith, 1776, pp. 107-121): 1) chính sách hạn chế cạnh tranh ở một ngành mà ngành đó cần nhiều người tham dự hơn số người đang tham dự, đơn giản là hạn chế tự do kinh doanh không hợp lý, sự hạn chế này không những bao gồm các quy định ràng buộc về đào tạo nghề, hiệp hội nghề và việc hành nghề mà còn bao gồm các ưu đãi không cần thiết, 2) chính sách tăng cạnh tranh ở một ngành vượt mức cần thiết, ngược lại với chính sách thứ nhất, chưa rõ Adam Smith hàm ý như thế nào khi đề cập đến nghề nhà giáo trong mục chính sách bất bình đẳng này, có thể Adam Smith đề cập dư thừa nhân lực khi tập trung đào tạo quá mức một ngành như nghề nhà giáo kể cả do lòng tốt, ví dụ như “thầy nhiều hơn thợ”, nhưng rõ ràng vai trò của giáo dục đặc biệt trong đào tạo nghề càng quan trọng đối với xã hội phân công lao động cao vì nguồn nhân lực thực sự là tài nguyên quan trọng nhất mà nếu như không có tay nghề sẽ trở thành gánh nặng cho an sinh xã hội, nguy hại hơn cả chuyện tài nguyên thiên nhiên không được khai thác vì tài nguyên thiên nhiên nếu không được khai thác, chí ít còn nguyên đó, thậm chí không gây ô nhiễm như bị khai thác thiếu quy hoạch đòn bẩy cho công nghệ, 3) chính sách ngăn cản sự giao lưu tự do về lao động và vốn giữa các ngành nghề, ví dụ một số luật lệ của hiệp hội ngăn cản người lao động đổi cơ sở thuê mướn hay xin phép hành nghề với những công việc tương tự hoặc ngăn cản người chủ chuyển vốn đầu tư từ một ngành này sang một ngành khác, chính sách này tất nhiên ảnh hưởng tiêu cực nguyên tắc thị trường tự do và hạn chế cạnh tranh, hạn chế sáng tạo, hoặc là giới chủ phối hợp nhau giảm tiền công; do đó vai trò của công đoàn trực tiếp bảo vệ quyền lợi người lao động mà cũng gián tiếp thúc đẩy thị trường tự do, tăng mức cạnh tranh trong thị trường lao động. Liên quan mục bất bình đẳng thứ nhất – hạn chế cạnh tranh không hợp lý, Adam Smith sớm đề cập mặt tích cực của sự hợp tác giữa các hiệp hội nghề để giữ lợi nhuận, ổn định giá cả thị trường của hàng hóa, giảm cạnh tranh nội tại (Smith, 1776, p. 111), đối trọng với quy luật cung cầu của nguyên tắc thị trường tự do. Nhưng mặt trái của hiệp hội kinh doanh (hiệp hội nghề) như thế nào? Adam Smith cho rằng không phải hiệp hội quản lý nghề tốt hơn mà chính người thợ vì lợi ích của mình đã chú tâm làm ra sản phẩm tốt hơn (Smith, 1776, p. 114), đây ngầm định của nguyên lý bàn tay vô hình khi chủ nghĩa tự do kinh tế có xu hướng thẩm thấu đến từng cá nhân khiến kinh tế tư nhân động đến mức tối đa có thể, buộc phải có định hướng hay chế tài như khương tuyến nòng súng một khi xảy ra bùng nổ. Adam Smith đề cập vấn đề tay nghề nông dân ở nông thôn phức tạp hơn tay nghề công nhân ở thành thị và hơn nữa, không có nhiều hướng dẫn về một số nghề nông nghiệp, tuy nhiên thực tế này là một số đặc thù, sản phẩm nông nghiệp thuần túy từ nuôi trồng chăn thả không thể phức tạp hơn sản phẩm công nghiệp như chi tiết máy móc nhưng vì tiến trình phân công lao động ở thành thị diễn ra chặt chẽ hơn, quy trình phân định đến chi tiết giúp người thợ chỉ tập trung vào một kỹ thuật đơn giản. Tuy nhiên phân công lao động lỏng lẻo ở nông thôn và công việc đa năng của nông dân là một thế mạnh trong tiến trình cân bằng nông thôn và thành thị, ghì lại sức hút của cực tăng trưởng, mà bản thân sự lỏng lẻo này nằm trong một tiến trình phân công lao động rộng hơn, phân công lao động giữa nông thôn và thành thị. Ta sẽ còn trở lại nghiên cứu kinh tế nông thôn và kinh tế thành thị.

Nhắc lại, giá cả tự nhiên của hàng hóa được định nghĩa tổng quát bao gồm: 1) tiền công cho người lao động tức giá tiền thuê nhân công, 2) vốn của nhà tư bản bao gồm nguồn lực (nhà xưởng, máy móc,…) được sử dụng trong sản xuất ngoài tiền công và ngoài chi phí cho bên thứ ba, 3) chi phí cho bên thứ ba như tiền thuê nhà đất và thuê dịch vụ, 4) chi phí vận chuyển, và 5) lợi nhuận. Tuy nhiên, Adam Smith tập trung vào ba thành tố cơ bản của giá cả tự nhiên: tiền công cho người lao động, tiền thuê đất cho chủ đất và lợi nhuận cho nhà đầu tư. Ta đã nghiên cứu tiền công và lợi nhuận nên giờ sẽ nghiên cứu **tiền thuê đất** và tiền thuê đất nên được hiểu rộng hơn là chi phí liên quan đến thuê bất động sản. Điểm mấu chốt khác biệt giữa tiền thuê đất và tiền công, lợi nhuận là tiền thuê đất phụ thuộc vào giá cả bán ra của hàng hóa nghĩa là người chủ đất có xu hướng nâng giá hay hạ giá tiền thuê đất dựa vào theo dõi giá cả bán ra của hàng hóa, nếu giá cả hàng hóa bán ra được cao thì chủ đất sẽ tìm cách nâng tiền thuê đất để thu lời nhiều hơn và ngược lại nếu giá cả hàng hóa thấp thì tiền thuê đất sẽ giảm (Smith, 1776, pp. 122-123), theo Adam Smith. Nói cách khác thì tiền thuê đất là hậu quả của giá cả (tự nhiên, thị trường) hàng hóa trong khi tiền công và lợi nhuận là nguyên nhân của giá cả hàng hóa (Smith, 1776, p. 123), theo Adam Smith. Tuy nhiên mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa chủ đất và chủ đầu tư khiến tiền thuê đất về mức đủ hợp lý để cả chủ đất và chủ đầu tư đều có lợi nhuận, nhưng thông thường tiền thuê đất là giá tiền cao nhất có thể trả mà người thuê đất trả cho chủ đất để sử dụng đất mà cả hai bên cùng còn lợi nhuận (Smith, 1776, pp. 122-123), hay, “tiền thuê đất không tính theo tỉ lệ vốn người chủ đất bỏ ra để mua và cải tạo đất, mà tính theo khả năng chi trả của người thuê đất”, theo Adam Smith. Như vậy tồn tại một sự bóc lột lao động tệ hại như mối quan hệ cắn đắng giữa địa chủ và tá điền khi tích lũy ruộng đất vượt tầm kiểm soát, do đó kinh tế tập thể kiểu hợp tác xã tuy không thể bằng kinh tế tư nhân nhưng có thể phân tán tình trạng tích lũy ruộng đất quá mức. Hậu quả của việc tiền thuê đất là hậu quả của giá cả (tức hậu quả của hậu quả) là tình huống thổi phồng giá đất trên thị trường bất động sản, theo đó giá đất gần với hoạt động tài chính cho vay lấy lãi mà sự điều chỉnh giá cả thị trường của giá đất không vận hành tự động được một cách trơn tru như thị trường tài chính mà hệ thống tiền tệ & tài chính phức tạp, khó dự đoán hơn kỳ vọng chủ quan của chủ đất khi tăng giá đất, hẳn nhiên vẫn có mánh lới trong đầu tư thị trường chứng khoán nhưng bất luận thế nào, đầu cơ thổi giá trong bất cứ thị trường nào cũng luôn dẫn đến hậu quả tai hại. Thị trường bất động sản luôn có xu hướng đầu cơ vì hai lý do sau: 1) tính cố định của đất đai hạn chế thương lượng khi mua bán, 2) đất đai là tài nguyên thiên nhiên nhưng không góp mặt vào sản xuất về phía chủ đất tức “đất đai của chủ đất” đóng vai trò thiên nhiên tối cao nhưng không góp mặt vào sản xuất như “đất đai nông nghiệp” gây ra hiện tượng bất bình đẳng giữa chủ đất và người thuê đất mà chưa xuất hiện thế năng trình độ sản xuất với lưu ý rằng vốn đại diện trình độ sản xuất nhưng đất đai trong hiện tượng bất bình đẳng này chưa chuyển hóa thành vốn mà vẫn còn ở trạng thái thiên nhiên, nên nguyên tắc thị trường tự do khó mà tái cân bằng động khi tự do bùng phát như trí tuệ đám đông (swarm intelligence), mà đó thường là sự hỗn loạn (entropy). Do đó thị trường bất động sản nên cần có sự can thiệp của nhà nước và/hoặc song hành với thị trường xây dựng để đất đai góp mặt vào sản xuất – xây nhà như nuôi trồng chăn thả trên đất, với lưu ý, vốn đã là trình độ sản xuất nên đề cập nuôi trồng chăn thả của hoạt động tài chính như cho vay lấy lãi là sai lầm. Ví dụ, đối với nông nghiệp thì sản phẩm là hoa màu, đối với sự song hành thị trường bất động sản và thị trường xây dựng thì sản phẩm là nhà cửa “trộn” đất đai hay đất đai “trộn” nhà cửa. Bất luận thế nào, cần biến đất đai thành hàng hóa thực thụ – một việc không hề dễ dàng vì tính cố định của đất đai, và đất đai không bị hủy thì vòng đời của nó với vai trò một sản phẩm sẽ như thế nào? Vòng đời của nó có thể được tính bằng chuyển quyền sở hữu hay gắn với đối tượng song hành như nhà cửa / dịch vụ / hoa màu?

Tiền thuê đất không hoàn toàn thuộc về nông nghiệp vì tiền thuê đất hay chi phí thuê bất động sản cũng xảy ra trong công nghiệp như thuê kho bãi, thuê văn phòng, thuê đất xây khu công nghiệp, còn có hẳn việc xây hạ tầng khu công nghiệp để bán dịch vụ “cho thuê” mà dịch vụ của hình thức này như nuôi trồng chăn thả trên đất của nông nghiệp. Tuy nhiên Adam Smith chủ yếu đề cập tiền thuê đất trong nông nghiệp trong tác phẩm “Của Cải Của Các Quốc Gia (The Wealth of Nations)”. Ta hãy nghiên cứu những phân tích của Adam Smith rồi có thể mở rộng những phân tích này. Như đã đề cập, tiền thuê đất là hậu quả của giá cả hàng hóa, phụ thuộc vào khả năng chi trả của người thuê đất cũng là chủ đầu tư sản xuất khi chủ đầu tư sản xuất không phải là chủ đất, nên theo Adam Smith, có hai loại sản phẩm từ nông nghiệp và khai thác tài nguyên liên quan đến tiền thuê đất (Smith, 1776, pp. 123-136): 1) sản phẩm mà giá cả của nó (tiền công + lợi nhuận) luôn trả được tiền thuê đất, chủ yếu là *lương thực* từ chăn trồng nuôi thả như ngũ cốc và gia súc vì nông nghiệp luôn bảo đảm được một tỉ suất lợi nhuận nhất định do sản xuất nông nghiệp tương đối đơn giản hơn sản xuất công nghiệp, có sự góp mặt trực tiếp của tự nhiên vào quá trình sản xuất và gắn với sự sinh tồn (ăn uống) cơ bản nhất của con người, 2) sản phẩm có thể hoặc không thể trả được tiền thuê đất, cũng thường là nhu yếu phẩm ngoài lương thực như quần áo từ bông vải và da thú, nhà cửa để ở, khoáng sản với lưu ý một số khoáng sản cần thiết thuộc nhu yếu phẩm như gỗ & đá cho xây dựng, than để đốt,… Khai thác khoáng sản, đánh bắt thủy hải lâm sản, nói chung là khai thác tài nguyên thiên nhiên không thuộc nông nghiệp nhưng rất gần với nông nghiệp vì có bàn tay của tự nhiên tham gia sản xuất, nhưng đặt trong ngữ cảnh tiền thuê đất thì chủ đất như chủ mỏ than chẳng hạn khác với chủ đầu tư thuê mỏ để khai thác than. Nguyên nhân của một số sản phẩm có thể hoặc không thể trả được tiền thuê đất là do tuy chúng có thể thuộc nhu yếu phẩm nhưng không cấp thiết gắn liền với bản năng sinh tồn như lương thực, nhưng tuy chúng có thể không trả được tiền thuê đất (vì lỗ) nhưng có khả năng chúng mang lại lợi nhuận nhiều hơn vì nhu cầu ăn uống bị giới hạn nhưng các nhu cầu tinh thần diễn tiến vô hạn, như ta đã phân tích trước đây. Bất luận thế nào giá cả lương thực mà cụ thể là giá cả một loại lương thực phổ biến như lúa gạo sẽ có vai trò như giá cả cơ bản, là nền tảng của mức sống, tất nhiên được quy chiếu đến giá tiền thuê đất.

Adam Smith còn phân tích những hoạt động sản xuất khác xoay quanh sản xuất lương thực (Smith, 1776, p. 137). Theo như trong tác phẩm “Của Cải Của Các Quốc Gia (The Wealth of Nations)” của Adam Smith liên quan đến sản phẩm từ nông nghiệp thì (Smith, 1776, p. 126) “quan trọng nhất là cho gia súc ăn tốt trong quản lý đất nông nghiệp, thứ đến là cho ăn vừa phải và tồi tệ nhất là cho gia súc ăn thiếu thốn”, suy ra rằng chăn thả gia súc tốt hơn nuôi công nghiệp và nên trồng ngũ cốc ít phân bón, thuận theo tự nhiên, vì rằng nuôi trồng chăn thả có bàn tay của tự nhiên tham gia sản xuất nên phải thuận theo tự nhiên, điều này càng hiệu quả khi song hành với cải tạo thiên nhiên hay giảm hiệu quả khi ngược lại với cải tạo thiên nhiên là do trình độ sản xuất. Theo Adam Smith, giao thông cần thiết cho nông thôn và các vùng xa xôi (Smith, 1776, p. 124), suy ra rằng tự chủ địa phương phải song hành với huyết mạch giao thông. Đông y tóm lược với 1) lục phủ ngũ tạng và 2) hệ kinh lạc, trong đó lục phủ có công năng chuyển hóa, ngũ tạng có công năng tàng trữ và kinh lạc có công năng vận chuyển khí huyết mà hệ kinh lạc rất phức tạp gồm mười hai chính kinh, kỳ kinh bát mạch và lạc nối kết tất cả tạng phủ với nhau mà dược dụng và châm cứu tác động trực tiếp lên kinh mạch hoặc đi vào kinh mạch hoặc đi vào tạng phủ qua kinh mạch để tái lập cân bằng âm dương do bệnh là mất cân bằng âm dương. Hệ kinh lạc tương ứng mạng lưới giao thông nếu đặt tương ứng kinh tế trong sinh thể, do đó giao thông quan trọng đến mức mạng lưới giao thông chưa bao giờ đủ như chính đặc tính sinh sôi nảy nở của nền kinh tế nên tiềm năng phát triển giao thông vận tải còn rất nhiều. Hệ kinh lạc kỳ bí vì không có bằng chứng giải phẫu học về sự tồn tại của nó nhưng hiển nhiên phương thức và hiệu quả chữa bệnh theo Đông y luôn gắn liền với hệ kinh lạc, suy ra rằng sự biến động của mạng lưới giao thông trong nền kinh tế là bất định khiến ta luôn phải tăng cường giao thông vận tải, không bao giờ thừa.

Adam Smith có những nhận xét đáng lưu ý về khai thác kim loại quý và đá quý trong ngữ cảnh tiền thuê đất (Smith, 1776, pp. 142-143): 1) giá trị trao đổi của kim loại quý & đá quý phụ thuộc vào ba đặc tính “hữu ích”, “đẹp đẽ”, và “quý hiếm” (quý hiếm do khan hiếm hay đặc tính hóa học) tuy tính hữu ích của đá quý ít hơn kim loại quý, 2) giá cả thị trường của kim loại quý & đá quý phụ thuộc vào sự khan hiếm hay dồi dào của chúng, suy ra lượng thỏa mãn đóng vai trò quan trọng đối với giá trị và giá cả của chúng, hơn nữa đặc tính quý hiếm chủ đạo có tính quy ước xa tầm tay của chủ đất mỏ nên giá cả của kim loại quý & đá quý chủ yếu gồm tiền công và lợi nhuận mà tiền thuê đất mỏ chỉ đóng góp một phần nhỏ vào giá cả, 3) việc đúc tiền bằng kim loại quý giúp giữ giá trị hoặc tăng giá trị của kim loại quý, điều này dẫn đến chế độ kim bản vị neo đồng tiền bằng kim loại quý nhưng khi đồng tiền được neo bằng bản vị pháp định hay bản vị đồng USD thì giá trị trao đổi của kim loại quý chủ yếu phụ thuộc đặc tính quý hiếm (liên quan đến tính hiếm, độ bền, một số tính chất hóa học đặc biệt và cả đẹp đẽ). Do đó nếu kim loại quý không liên hệ đủ mật thiết đến nhu cầu con người hay nhu cầu của khoa học công nghệ tức tính hữu ích, nói một cách ngắn gọn, thì bản vị kim loại quý không thể hiệu quả như bản vị pháp định hay bản vị đồng USD. Nếu như một loại kim loại quý nào quá quý hiếm thì nó không thể trở thành bản vị vì bản vị phải có tính phổ biến, giả sử một loại kim loại nào đó như đất hiếm chẳng hạn trở nên rất hữu ích nhưng sẽ rất khó để trở thành bản vị vì tính hữu ích đó buộc nó phải trở thành hàng hóa tương ứng với tính hữu ích. Nhìn chung, nhu cầu tinh thần của con người là vô hạn nhưng nông nghiệp trong đó có an ninh lương thực không hề suy giảm tính quan trọng vì bản năng sinh tồn của loài người bị chi phối bởi những phản ứng sinh hóa không thể cưỡng trong cơ thể.

Nhắc lại, Adam Smith, phân định có hai loại sản phẩm từ nông nghiệp và khai thác tài nguyên liên quan đến tiền thuê đất (Smith, 1776, pp. 123-136): 1) sản phẩm mà giá cả của nó (tiền công + lợi nhuận) luôn trả được tiền thuê đất, được đặt tên sản phẩm *A*, chủ yếu là lương thực từ chăn trồng nuôi thả như ngũ cốc và gia súc, 2) sản phẩm có thể hoặc không thể trả được tiền thuê đất, được đặt tên sản phẩm *B*, cũng thường là nhu yếu phẩm ngoài lương thực như quần áo từ bông vải và da thú, nhà cửa, khoáng sản… Tuy kim loại quý không thuộc nhu yếu phẩm nhưng vẫn được xếp vào loại *B* vì chủ thầu khai thác mỏ phải trả tiền thuê đất cho chủ đất mỏ. Bây giờ ta sẽ nghiên cứu tỉ lệ giữa sản phẩm *A* và sản phẩm *B* theo quan điểm của Adam Smith. Giá cả sản phẩm *B* tỉ lệ và tuân theo sản phẩm *A* về giá cả, tình hình sản xuất, mức phát triển của sản phẩm *A*, ví dụ những sản phẩm phụ trợ từ lương thực sẽ có giá cao khi sản xuất lương thực phát đạt. Một hình thức tỉ lệ khác là trong những năm đói kém thì lương thực có giá hơn bạc và ngược lại, bạc có giá hơn lương thực trong những năm thịnh vượng. Sự quan sát này của Adam Smith cho ta một cái nhìn sơ bộ về công nghiệp phụ trợ, đặc biệt công nghiệp phụ trợ cho nông nghiệp như sản xuất máy kéo, phân bón. Hơn nữa, một khi giá trị gia tăng từ một sản phẩm dẫn xuất từ nông nghiệp như phô mai tăng vượt mức, thậm chí trở thành hàng hiệu như rượu vang Pháp thì công nghiệp phụ trợ không còn phụ trợ nữa. Tầm quan trọng của nông nghiệp có thể nhiều hơn ta nghĩ, nông nghiệp không những phát triển ở nông thôn mà còn có thể phát triển trong thành thị ngoài cung cấp lương thực tại chỗ mà còn giảm ô nhiễm, giảm nhu cầu năng lượng cho vận tải, và tạo cảnh quan. Chuỗi cung ứng toàn cầu không thể thẳng cành suôn đuột mà phải có rẽ nhánh, thậm chí rẽ nhánh chi chít mà nơi đó công nghiệp phụ trợ thậm chí vượt qua thị trường ngách cho một quốc gia.

# Hệ thống tiền tệ

Nhắc lại, nguyên lý bàn tay vô hình của Adam Smith là tổng kết của bốn nguyên tắc cốt lõi của tự do kinh tế: 1) thị trường tự do, 2) sở hữu tư nhân, 3) chính phủ ít can thiệp thị trường, và 4) thương mại tự do. Nguyên lý bàn tay vô hình thực hiện phân công lao động trong thị trường và trao đổi hàng hóa là nguồn gốc của phân công lao động, nói cách khác nhu cầu trao đổi hàng hóa xuất hiện từ thuở bình minh loài người là động năng của bàn tay vô hình, theo đó tiền tệ xuất hiện như phương tiện trao đổi hàng hóa, nên có thể nói tiền tệ vốn rất quan trọng đối với hoạt động sản xuất thương mại lại càng thiết yếu đối với tự do kinh tế. Tiền tệ có giá trị quy ước, lượng giá lượng lao động tương ứng giá trị trao đổi của hàng hóa để quy định giá cả tự nhiên không khác gì hơn giá tiền của hàng hóa trên thị trường vì giá trị trao đổi của hàng hóa luôn tương ứng một lượng lao động, nói cách khác, mọi hàng hóa đều có giá tiền tức giá cả tự nhiên được niêm yết như giá cả thị trường trên thị trường. **Tiền tệ**, với vai trò phương tiện trao đổi hàng hóa, trải qua bốn hình thức thể hiện sau (Gemini 2025): 1) tiền là hàng hóa phổ biến (commodity money) như vỏ sò, da thú, và ngũ cốc, 2) kim loại quý và/hoặc tiền giấy được neo vào kim loại quý, 3) *tiền pháp định* (fiat money) được quy định bởi hệ thống luật pháp quốc gia, 4) *tiền kỹ thuật số* (digital currency) hoạt động phân tán trên mạng thông tin số hóa (mạng internet) và được mã hóa bằng công nghệ blockchain. Vì tiền tệ có tính quy ước nên một đồng tiền phải được neo vào một tài sản vật chất để bảo đảm giá trị quy ước này và để lượng tiền được tung ra thị trường phải tương ứng một cách tương đối với lượng của cải vật chất của toàn thị trường, ngoài hình thức tiền là hàng hóa phổ biến mà đồng tiền neo vào chính nó do nó là hàng hóa phổ biến, thì có ba hình thức neo đồng tiền được gọi là bản vị như sau: 1) *kim bản vị* tức đồng tiền được neo vào kim loại quý như vàng và bạc, 2) bản vị vào một đồng tiền ổn định khác tức đồng tiền được neo vào một đồng tiền ổn định khác trên thị trường thế giới như đồng USD, 3) *bản vị pháp định* tức giá trị quy ước của đồng tiền được hệ thống luật pháp của một quốc gia bảo đảm tức gián tiếp neo vào sức mạnh cứng của một quốc gia. Kim bản vị phổ biến trong quá khứ nhưng sau Thế chiến II, bản vị pháp định dần phổ biến vì thiếu hụt vàng bạc không hẳn do không thể khai thác vàng bạc nhiều hơn mà vì tính hữu ích của vàng bạc đối với nhu cầu con người không nhiều như ta nghĩ khiến thế giới không thể tập trung vào việc khai thác vàng bạc, mà trọng tâm của nền kinh tế là sinh sôi nảy nở càng nhiều của cải càng tốt và sâu xa hơn, đó là nâng cao trình độ sản xuất mà tôi đã đề cập rằng trình độ sản xuất là bản vị cơ bản nhất của tiền tệ. Ngay trong kim bản vị, kim loại quý vừa là tiền tệ qua đúc vừa là hàng hóa, một mặt hàng hóa “kim loại quý” gần với xa xỉ phẩm không quá hữu ích, một mặt tiền tệ “kim loại quý” không nêu bật tính quy ước của tiền tệ, hai yếu tố này tương tác với nhau khiến kim bản vị không thể cạnh tranh với bản vị pháp định. Lưu ý, tiền tệ trong chế độ kim bản vị có thể là chính kim loại quý hoặc tiền giấy neo vào kim loại quý, nếu tiền tệ là kim loại quý thì đồng tiền là kim loại quý qua đúc có giá nhỉnh hơn kim loại quý ở dạng nguyên khối.

Tiền kim loại quý, tiền mã hóa, và thậm chí tiền pháp định có thể được xem như hàng hóa trên *thị trường ngoại hối* (foreign exchange market, forex market, FX market) mà giá trị trao đổi tức giá trị quy ước của chúng tương ứng với tỉ giá hối đoái, mà đã là hàng hóa thì phải tuân theo quy luật cung cầu trên thị trường, và nhắc lại rằng có năm yếu tố ảnh hưởng đến giá trị đồng tiền (Gemini 2025): 1) lãi suất do ngân hàng quốc gia quy định, 2) lạm phát, 3) cán cân thương mại, 4) sức khỏe nền kinh tế, và 5) dự trữ ngoại hối. Tỉ giá hối đoái chính là giá trị trao đổi này của đồng tiền trên thị trường ngoại hối nên năm yếu tố này tất nhiên ảnh hưởng đến tỉ giá hối đoái, cuối cùng chính là giao điểm tức điểm cân bằng giữa lượng cung tiền và lượng cầu tiền, theo quy luật cung cầu. Ngân hàng trung ương tức ngân hàng quốc gia điều chỉnh hoặc góp phần điều chỉnh năm yếu tố này để thực thi **chính sách tiền tệ** (monetary policy). Ngân hàng trung ương là cơ quan đầu mối duy nhất trong một quốc gia thực hiện *in tiền* sao cho lượng tiền tung ra thị trường phải tương ứng một cách tương đối với tổng lượng của cải của cả thị trường với lưu ý in tiền là một tác nghiệp con trong tác nghiệp *điều chỉnh lượng tiền* cực kỳ quan trọng của chính sách tiền tệ. Ghi chủ, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tạm thời là độ đo lượng của cải của nền kinh tế. Theo Gemini 2025, ngân hàng trung ương dựa vào bốn yếu tố quan trọng sau để thực hiện in tiền: 1) tăng trưởng kinh tế, cụ thể, khi tổng thu nhập quốc nội (GDP) tăng sẽ cần lượng nhiều hơn vì lượng của cải đã tăng, 2) lạm phát, cụ thể, chính phủ quy định một *tỉ lệ lạm phát* (inflation rate) vừa đủ (2% – 4%/năm) kích thích nền kinh tế tăng trưởng và sau đó ngân hàng trung ương sẽ in lượng tiền tương ứng với tỉ lệ lạm phát để lượng tiền tương ứng tổng lượng của cải sao cho không thừa không thiếu, 3) thất nghiệp, cụ thể nếu tỉ lệ thất nghiệp tăng thì ngân hàng trung ương sẽ tăng lượng tiền vào thị trường cho nhiều nhà tư bản vay để đầu tư vào sản xuất, thương mại, dịch vụ tạo ra nhiều việc làm cho người lao động, tuy nhiên tăng lượng tiền cũng tăng tỉ lệ lạm phát nên cân bằng thất nghiệp và lạm phát là bài toán hết sức khó khăn, 4) tỉ giá hối đoái, cụ thể, tỉ giá hối đoái phụ thuộc cả vào nội tệ và ngoại tệ giữa các quốc gia, nên tính chủ động của chính sách tiền tệ đối với ngoại tệ chỉ là chủ động bám sát, cụ thể là bám sát tỉ giá hối đoái, ví dụ tỉ giá hối đoái tăng tức đồng tiền mạnh lên thì ngân hàng trung ương cần in nhiều tiền hơn để giữ lạm phát vừa đủ không cho giảm phát nhằm duy trì tăng trưởng kinh tế, duy trì xuất khẩu. Như vậy in tiền thuộc tác điều chỉnh lượng tiền trong chính sách tiền tệ và điều chỉnh lượng tiền với ngữ nghĩa rộng hơn gồm một số cơ chế sau (Gemini 2025): 1) in tiền vừa đề cập, 2) lãi suất, cụ thể, nếu duy trì lãi suất tín dụng thấp thì tăng lượng cung trên thị trường và ngược lại, 3) lạm phát, cụ thể, quy định tỉ lệ lạm phát để tăng hay giảm lượng cung tiền, 4) dự trữ ngoại hối, cụ thể, ngân hàng trung ương có một lượng dự trữ ngoại tệ để can thiệp thị trường ngoại hối bằng cách bán ra và mua vào ngoại tệ, tác động đến lượng cung tiền, 5) nghiệp vụ thị trường mở (open market operations) với mua và bán chứng khoán, cụ thể, ngân hàng trung ương mua chứng khoán từ các ngân hàng thương mại làm tăng lượng cung tiền trên thị trường và ngược lại với bán chứng khoán làm giảm lượng cung tiền, 6) *lãi suất chiết khấu* (discount rate), cụ thể đây là lãi suất mà ngân hàng trung ương cho các ngân hàng thương mại vay tín dụng, nếu lãi suất này giảm thì các ngân hàng thương mại sẽ vay tín dụng được nhiều hơn làm tăng lượng cung tiền, 7) *tỉ lệ dự trữ bắt buộc* (reserve requirement rate), cụ thể, ngân hàng trung ương quy định tỉ lệ tiền gởi mà ngân hàng thương mại phải giữ lại và không được cho vay có tác dụng như dự trữ ngoại hối làm *vùng đệm thanh khoản* (liquidity buffer).

Điều chỉnh lượng tiền trên thị trường thuộc chính sách tiền tệ song hành với chính sách tài khóa là hai hoạt động quan trọng của chính phủ. Chính sách tiền tệ có hai mục tiêu chính là *kiểm soát cung tiền* và *kiểm soát lãi suất*, được phân giải thành những mục tiêu quan trọng sau (Gemini 2025): 1) ổn định giá cả hàng hóa trên thị trường cũng như ổn định lãi suất tín dụng & huy động, 2) thúc đẩy tăng trưởng kinh tế – tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP), 3) ổn định thị trường lao động (toàn dụng lao động) như giảm thất nghiệp, 4) ổn định tỉ giá hối đoái. Để đạt được những mục tiêu này, chính sách tiền tệ có một số công cụ sau (Wikipedia 2025): 1) công cụ *tái cấp vốn*, nghĩa là ngân hàng trung ương cấp hay cho vay một lượng tín dụng (lượng vốn) cho ngân hàng thương mại, điều này liên quan lãi suất chiết khấu vừa được đề cập, 2) công cụ *tỉ lệ dự trữ bắt buộc* vừa được đề cập, 3) công cụ nghiệp vụ thị trường mở vừa được đề cập, 4) công cụ lãi suất tín dụng vừa được đề cập, cụ thể, ngân hàng trung ương quy định lãi suất tín dụng theo mục tiêu tăng trưởng GDP và tỉ lệ lạm phát, 5) công cụ *hạn mức tín dụng*, cụ thể, hạn mức tín dụng là mức dư nợ tối đa của ngân hàng thương mại, là lượng tiền tối đa mà một ngân hàng thương mại có thể cho vay, 6) công cụ tỉ giá hối đoái, nghĩa là ngân hàng trung ương có thể điều chỉnh tỉ giá hối đoái bằng tác nghiệp điều chỉnh lượng tiền vừa được đề cập thay vì thả nổi tỉ giá hối đoái, 7) một số công cụ khác như in tiền, dự trữ ngoại hối… Vui lòng lưu ý tác nghiệp dự trữ ngoại hối vì dự trữ ngoại hối rất quan trọng để hoạt tác hệ thống tài chính được trơn tru và ổn định tỉ giá hối đoái tức ổn định giá trị đồng tiền, theo Gemini 2025, dự trữ ngoại hối có vai trò như vùng đệm thanh khoản có những mục tiêu thiết yếu sau: 1) ổn định tỉ giá hối đoái bằng cách mua và bán ngoại tệ, 2) bảo đảm khả năng thanh toán nợ nước ngoài, 3) đối phó với khủng hoảng kinh tế, cụ thể, lượng ngoại hối được dự trữ giúp quốc gia đối phó với tình trạng các nhà đầu tư nước ngoài rút vốn đột ngột khi xảy ra khủng hoảng kinh tế, 4) xây dựng niềm tin, cụ thể, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ an tâm đầu tư vào một quốc gia có lượng dự trữ ngoại hối lớn (vì bảo đảm thanh khoản), từ đó tăng nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Dự trữ ngoại hối không những bôi trơn hoạt động tài chính mà còn thúc đẩy hoạt động sản xuất vì nguồn vốn nước ngoài đổ vào. Tuy nhiên nghiệp vụ dự trữ ngoài hối nên gần với hoạt động đầu tư tiền tệ, cần phải điều chỉnh liên tục tỉ lệ các loại ngoại tệ – đa dạng hóa ngoại tệ sao cho phù hợp với nhu cầu xuất khẩu và thanh toán quốc tế, thậm chí một lượng ngoại tệ đứng im cũng cho lợi nhuận vì sự biến động của thị trường ngoại hối, đó cũng là hoạt động đầu tư. Mặt khác, tuy quan trọng như thế nhưng mục đích chính của dự trữ ngoại hối là vùng đệm thanh khoản nên lượng ngoại hối cần được lưu chuyển liên tục phục vụ đầu tư và sản xuất vì suy cho cùng sự thịnh vượng của một quốc gia phụ thuộc vào lượng của cải (GDP) mà sâu xa hơn, đó là trình độ sản xuất.

Với một số công cụ tài chính vừa nêu, chính sách tiền tệ được chia thành hai nhóm chính (Gemini 2025): 1) chính sách tiền tệ mở rộng (expansionary monetary policy), thường được thi hành khi nền kinh tế suy thoái hoặc có tốc độ tăng trưởng thấp, lúc này chính sách tiền tệ tập trung kích thích *tổng cầu* bằng tăng lượng cung tiền và giảm lãi suất, với tác động khuyến khích doanh nghiệp đi vay để đầu tư và khuyến khích người tiêu dùng tăng chi tiều, từ đó thúc đẩy tăng trưởng và tạo việc làm, 2) chính sách tiền tệ thắt chặt (contractionary monetary policy), thường được thi hành khi nền kinh tế tăng trưởng quá nóng với lạm phát cao, lúc này chính sách tiền tệ tập trung giảm tổng cầu bằng giảm lượng cung tiền và tăng lãi suất, với tác động khiến doanh nghiệp hạn chế vay và người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, từ đó hạ nhiệt nền kinh tế và giảm lạm phát. Chính sách tiền tệ luôn phối hợp với chính sách tài khóa, theo đó *chính sách tài khóa* (fiscal policy) tập trung vào *chi tiêu công* (government spending) và *thuế* (taxes), nghĩa là, chi tiêu công là đầu tư tức chi tiền và thu thuế là thu tiền, cụ thể như sau (Gemini 2025): 1) chi tiêu công, cụ thể, khi chính phủ tăng chi tiêu công vào cơ sở hạ tầng & phúc lợi xã hội làm tăng tổng cầu, kích thích sản xuất và tạo việc làm, nên đây là *chính sách tài khóa mở rộng*, ngược lại khi chính phủ giảm chi tiêu thì tổng cầu sẽ giảm để hạ nhiệt nền kinh tế và giảm lạm phát, đây là *chính sách tài khóa thắt chặt*, 2) thuế, cụ thể, khi chính phủ giảm thuế cá nhân và thuế doanh nghiệp thì lượng tiền trên thị trường ít nhất không bị giảm đồng thời doanh nghiệp thu được nhiều lợi nhuận hơn và tái sản xuất nhiều của cải hơn, làm tăng tổng cầu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đây là chính sách tài khóa mở rộng, ngược lại khi chính phủ tăng thuế cá nhân và thuế doanh nghiệp thì lượng tiền trên thị trường bị giảm đồng thời doanh nghiệp thu được ít lợi nhuận hơn nên hạn chế đầu tư, gây giảm tổng cầu làm hạ nhiệt nền kinh tế và giảm lạm phát, đây là chính sách tài khóa thắt chặt. Tóm lại, chính sách tài khóa chia thành hai nhóm chính: 1) chính sách tài khóa mở rộng gồm tăng chi tiêu và giảm thuế, 2) chính sách tài khóa thắt chặt gồm giảm chi tiêu và tăng thuế; song hành với chính sách tiền tệ cũng có hai nhóm chính: 1) chính sách tiền tệ mở rộng gồm tăng cung tiền và giảm lãi suất, 2) chính sách tiền tệ thắt chặt gồm giảm cung tiền và tăng lãi suất; với mục tiêu ngắn gọn & cuối cùng là tăng/giảm tổng cầu của nền kinh tế tức kích thích hay hạ nhiệt tăng trưởng kinh tế. Chính sách tài khóa do chính phủ thực hiện và chính sách tiền tệ do ngân hàng trung ương thực hiện mà tại một số quốc gia, ngân hàng trung ương độc lập với chính phủ như Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED). Về cơ bản nếu không đề cập dịch vụ công thì chính phủ với hoạt động đầu tư tương đương ngân hàng trung ương, tuy nhiên do mạng lưới tài chính Mỹ ảnh hưởng toàn cầu nên FED mới độc lập với chính phủ Mỹ. Chính sách tài khóa tác động trực tiếp lên tổng cầu nhưng có phản ứng chậm do quá trình phê duyệt chính sách của chính phủ, trong khi đó, chính sách tiền tệ tác động gián tiếp lên tổng cầu nhưng có phản ứng nhanh vì ngân hàng trung ương có thể nhanh chóng ban hành lãi suất (Gemini 2025). Do đó cần thận trọng với chính sách tiền tệ hoặc rộng hơn là chính sách tài chính vì chỉ cần một sơ suất nhỏ cũng ảnh hưởng nghiêm trọng nền kinh tế gây hiệu ứng domino tức thời mà sự tổn hại không thật sự nghiêm trọng vì hiệu ứng tức thời gây sốc nhiều hơn là bản chất của thiệt hại, trong khi đó, có thể chậm hơn điều chỉnh chính sách tài khóa và một số đầu tư cần kiên trì hơn; tuy nhiên có lẽ nên theo dõi và bám sát chính sách tài chính mà có thể chính sách tài khóa (đầu tư) phức tạp hơn, thật sự phức tạp hơn? Chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa luôn phối hợp nhau, ví dụ, trong thời kỳ suy thoái kinh kế thì chính sách tiền tệ mở rộng kết hợp / cộng hưởng với chính sách tài khóa mở rộng, trong thời kỳ tăng trưởng nóng kinh kế thì chính sách tiền tệ thắt chặt kết hợp / cộng hưởng với chính sách tài khóa thắt chặt (Gemini 2025). Lưu ý, GDP tính theo phương pháp chi tiêu bằng tổng của chi tiêu của các hộ gia đình, chi tiêu của doanh nghiệp cho đầu tư, chi tiêu của chính phủ, và xuất khẩu ròng (Google 2025), trong khi đó, tổng cầu (AD – aggregate demand) là tổng khối lượng hàng hóa và dịch vụ mà các tác nhân kinh tế (hộ gia đình, doanh nghiệp, chính phủ và người nước ngoài) trong một nền kinh tế sẵn sàng mua và có khả năng mua (Google 2025), tức là tổng chi tiêu mà các tác nhân kinh tế sẵn sàng chi tiêu như chi tiêu của các hộ gia đình, chi tiêu của doanh nghiệp cho đầu tư, chi tiêu của chính phủ, và xuất khẩu ròng (chi tiêu của nhà xuất khẩu – mua ngoại tệ bằng hàng hóa xuất khẩu). Như vậy GDP và tổng cầu có mối quan hệ tương hỗ, trong đó, tổng cầu thúc đẩy hiện thực hóa GDP và GDP xác thực độ chính xác của tổng cầu.

# Tích lũy vốn

# Thay lời kết

**Tham khảo**

Fukuyama, F. Y. (2013, July 28). Sự cáo chung của lịch sử. (H. H. Lê, L. P. Nguyễn, Eds., & L. P. Nguyễn, Trans.) Nghiên cứu quốc tế. Retrieved from Nghiên cứu quốc tế: https://nghiencuuquocte.org/2013/07/28/38-su-cao-chung-cua-lich-su

Smith, A. (1776). *Một Công Trình Nghiên Cứu Bản Chất Và Nguyên Nhân Phát Sinh Của Cải Của Các Dân Tộc (An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations).* (H. T. Đỗ, T. P. Trần, Eds., & H. T. Đỗ, Trans.) Hanoi, Vietnam (1997): Vietnam Education Publishing House. Retrieved from https://www.scribd.com/document/633319064/Cua-Cai-Cua-Cac-Dan-Toc-Adam-Smith

**Mục lục**

[Tóm tắt 1](#_Toc208604144)

[Phân công lao động 1](#_Toc208604145)

[Giá cả hàng hóa 6](#_Toc208604146)

[Hệ thống tiền tệ 21](#_Toc208604147)

[Tích lũy vốn 23](#_Toc208604148)

[Thay lời kết 23](#_Toc208604149)